

## Chương 4

# MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH TẶNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, CÙNG CẢ NƯỚC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1965 -1975)

## I. XÂY DỰNG QUYẾT TÂM ĐÁNH MỸ, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

### 1. Xây dựng quyết tâm đánh Mỹ, hình thành thế trận chiến tranh Nhân dân, đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ (1965 - 1966)

Chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” bị phá sản đã đặt nguy quyền Sài Gòn trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Đế quốc Mỹ vội vã, ào ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam, ném bom đánh phá miền Bắc, thực hiện chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”. Ngày 8 - 3 - 1965, quân viễn chinh Mỹ đổ bộ xuống bãi biển Xuân Thiều (Đà Nẵng); ngày 7 - 5 - 1965, tiếp tục đổ bộ lên Kỳ Hà (Nam Tam Kỳ). Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng đưa vào đây nhiều đơn vị tinh nhuệ, đẩy dân hai xã Kỳ Hà, Kỳ Liên (nay thuộc xã Tam Quang, Tam Nghĩa, huyện Núi Thành) và một phần xã Kỳ Hòa (nay thuộc xã Tam Hải) đi nơi khác để xây dựng căn cứ quân sự Chu Lai, đồng thời triển khai lực lượng chiến đấu, mở nhiều đợt càn quét nhằm tạo vành đai bảo vệ căn cứ, làm cho hàng ngàn gia đình đồng bào ta phải sống cảnh màn trời chiếu đất. Riêng năm 1965, Mỹ - nguy đã cày

phá hàng trăm mẫu hoa màu, đốt cháy và đánh sập hàng ngàn nóc nhà, đánh đập, giam giữ và giết chết hàng ngàn người<sup>1</sup>.

Từ khi Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam và liên tục càn quét, đánh phá. Dựa vào Mỹ, quân nguy cũng gương dậy tổ chức phản công, làm cho mức độ ác liệt của chiến tranh tăng lên, tâm lý ngại Mỹ bắt đầu xuất hiện trong Nhân dân. Mặt khác, do bất đồng ngôn ngữ đã làm cho một bộ phận Nhân dân thiếu tin tưởng vào khả năng đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ.

Giữa lúc biết bao câu hỏi đang dấy ra cần có câu trả lời, thì vào tháng 5 - 1965, Khu ủy 5 chủ trương mở cuộc vận động học thư Đảng<sup>2</sup> (thư Trung ương Cục miền Nam) và phát động phong trào “*Toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 phát động phong trào thi đua “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Tỉnh ủy Quảng Nam và Quảng Đà phát động các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh tích cực triển khai chủ trương này. Các tổ chức đoàn thể ở Quảng Nam và Quảng Đà vận động hội viên và các tầng lớp nhân dân từ miền núi đến đồng bằng, từ vùng giải phóng đến các vùng cải rãng lược giữa ta và địch và cả cơ sở cách mạng trong các đô thị..., tổ chức rước thư Đảng, khơi dậy truyền thống cách mạng, phân rõ bạn thù, xây dựng khối đại đoàn kết, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ máu thịt giữa các tầng lớp nhân dân với Đảng...

Thư Đảng đến với các giới đồng bào trong tỉnh giữa lúc phong trào đồng khởi đang thắng lợi, Nhân dân càng phấn khởi

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 463.

2. Bốn bài học trong thư Đảng: Nêu cao lòng căm thù địch, đoàn kết nội bộ Nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng và tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, vào cách mạng.

tin tưởng vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng hăng hái thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng đề ra, sẵn sàng lực lượng, không sợ Mỹ, quyết tâm đánh Mỹ. Từng ngành, từng giới đều đẩy lên phong trào thi đua phù hợp. Nông dân có phong trào thi đua tăng gia sản xuất, đóng góp và đi dân công tiền tuyến. Bộ đội và du kích có phong trào giết giặc lập công, thi đua bắn máy bay địch bằng súng bộ binh. Phụ nữ có phong trào 4 đảm đang. Thanh niên có phong trào 3 sẵn sàng... Nhưng sôi nổi nhất, hào hứng nhất là phong trào “*Thanh niên tình nguyện thoát ly Nguyễn Văn Trỗi*”. Với phong trào này, trong năm 1965, ở Quảng Nam có 4.000 thanh niên, Quảng Đà có 5.100 thanh niên nam, nữ tình nguyện lên đường gia nhập vào lực lượng vũ trang và các tổ chức khác. Những đợt huy động thanh niên thoát ly như những ngày hội quần chúng tiễn thanh niên lên “*Cầu vinh quang*”.

Tiếp theo học thu Đảng, chính sách ruộng đất được thực hiện trên diện rộng, đến tháng 6 - 1965, Quảng Nam chia công điền và tạm cấp ruộng vắng chủ được 3.064 mẫu và giảm tô mùa tháng 3 cho tá điền được hưởng 81.000 ang lúa. Ở Quảng Đà, riêng năm 1965, hai huyện Duy Xuyên, Điện Bàn chia 13.000 mẫu công điền và tạm cấp 647 mẫu ruộng vắng chủ, giảm tô được 21.440 ang lúa cho nông dân.

Qua thực hiện chính sách ruộng đất và học thu Đảng gửi cho nông dân, giai cấp nông dân Quảng Nam, Quảng Đà rất phấn khởi, hăng hái tham gia sản xuất, coi sản xuất nông nghiệp là khâu trung tâm hàng đầu của chính sách kinh tế thời chiến. Với phong trào vắn công, đổi công, tương trợ trong sản xuất, nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh (phân bón, thủy lợi), vỡ hóa khai hoang mở rộng diện tích, phân đấu

đạt chỉ tiêu đề ra và đóng góp đảm bảo yêu cầu kháng chiến ngày càng lớn.

Hưởng ứng phong trào “*Ra Hòa Vang đánh Mỹ*”, tháng 5 - 1965, thanh niên các huyện Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn tham gia lực lượng xây dựng vành đai diệt Mỹ ngày càng đông. Ở Quảng Nam, thanh niên các huyện Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ, Tiên Phước, Thăng Bình, Quế Sơn tích cực tham gia chiến đấu và xây dựng vành đai diệt Mỹ ở Chu Lai.

Phối hợp với lực lượng vũ trang đánh Mỹ ở vành đai Chu Lai, phong trào đấu tranh chính trị của Nhân dân đã diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi. Tháng 5 - 1965, 4.000 dân xã Kỳ Hà (Nam Tam Kỳ) nổi dậy đấu tranh chống lại việc địch cào nhà, đuổi dân vào các khu đồn để chiếm đất. Bà con xã Kỳ Liên nằm trước đầu xe, kiên quyết không cho địch ủi nhà, san bằng mồ mả. Cùng thời gian này, hơn 3.000 đồng bào 2 xã Kỳ Liên, Kỳ Hà, trong đó đông đảo nhất là chị em phụ nữ đã tổ chức đấu tranh trực diện dưới hình thức đội khăn tang đi lên quận, lên tỉnh yêu cầu Mỹ - nguy phải dừng ngay hành động khủng bố, giết người, cày ủi mồ mả, xóm làng. Ngoài ra, chị em phụ nữ các xã lân cận còn tổ chức quyên góp giúp đỡ những gia đình bị địch cào nhà, ủi đất. Đặc biệt, những cuộc đấu tranh chính trị đó đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của một số binh lính địch, thể hiện ở việc chúng không nhân tâm thực hiện triệt để mệnh lệnh của bọn chỉ huy khi được ra lệnh đàn áp đồng bào ta.

Các mặt y tế, văn hóa, giáo dục, xã hội trong vùng giải phóng đều phát triển và thể hiện được tính ưu việt của chế độ mới. Vùng giải phóng, căn cứ cách mạng trở thành ngọn cờ hiệu triệu của toàn dân trong tỉnh, nhất là đối với Nhân dân còn ở trong vùng địch kiểm soát.

Thường vụ Khu ủy 5 mở lớp học tiếng Anh, học viên là những người có trình độ tú tài toàn phần, đã từng học tiếng Anh, do thầy giáo Hồ An - Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Trung Trung Bộ trực tiếp giảng dạy. Lớp học kéo dài 2 tháng (Quảng Đà có 5 người dự lớp này). Sau khóa học, các học viên tỏa về các địa phương, mở các lớp học tiếng Anh tại chỗ. Các lớp học tiếng Anh đầu tiên ở Quảng Đà được mở ở Xuyên Hòa và Xuyên Khương (nay là xã Duy Hòa, Duy Xuyên), sau đó mở rộng và liên tục ra toàn tỉnh. Các cốt cán ở vùng tranh chấp cũng ra vùng ta để học. Có lúc đang học thì quân Mỹ tới, học viên đi gặp lính Mỹ để vừa nói chuyện với chúng, vừa tra dồi thêm ngôn ngữ tiếng Anh.

Thế trận chiến tranh nhân dân được giữ vững. Quân và dân ta đánh địch bằng 2 quả đấm quân sự và chính trị, bằng phương châm “2 chân, 3 mũi giáp công” đã đạt nhiều thắng lợi quan trọng.

Đêm 25 rạng ngày 26 - 5 - 1965, lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Nam đã tập kích diệt gọn 1 đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ trong công sự ở phía tây căn cứ Chu Lai, huyện Nam Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành). Được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng lá cờ có dòng chữ “*Quảng Nam trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ*”.

Chiến thắng Núi Thành và nhiều chiến công vang dội khác, sáng tạo “*Vành đai diệt Mỹ Chu Lai*”, với việc tìm cách đánh Mỹ, sáng tạo phương châm “3 bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám giặc), kịp thời rút kinh nghiệm báo cáo lên cấp trên để chỉ đạo chung, Đảng bộ, Nhân dân Quảng Nam đã góp phần vào kinh nghiệm đánh Mỹ của Nhân dân miền Nam và cả nước.

Giữa năm 1965<sup>1</sup>, tại trại ông Bách, thôn Trung Tín, xã Kỳ Thạnh, huyện Nam Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành), cách đồn Đức Phú của địch chỉ một con đèo Ba Vía, trên 200 đại biểu các Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh, thành phố, đại biểu các đoàn thể, đại biểu Đảng bộ Nam Trung Bộ của Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam, đại biểu phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên, đại biểu các dân tộc thiểu số, tôn giáo, nhiều nhân sĩ, trí thức, trong đó có nhiều người từ vùng địch kiểm soát, thành phố, thị xã về dự Đại hội lần I của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nam Trung Bộ. Diễn văn khai mạc nêu rõ ý nghĩa và mục đích mà Đại hội cần đạt được là: *“Đoàn kết tất cả các tầng lớp quần chúng, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tranh thủ những bộ phận, cá nhân có tinh thần yêu nước trong nguy quân nguy quyền tại miền Trung nói riêng, để tạo thành một sức mạnh khổng lồ giải phóng miền Trung nói riêng và giải phóng miền Nam nói chung”*<sup>2</sup>. Nội dung của 24 tham luận của đại biểu các tỉnh thành, tôn giáo, tầng lớp tiêu biểu, liên tục diễn ra tại hội trường suốt 5 buổi liền đều nói lên một nguyện vọng khát khao bất di bất dịch: Giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội kêu gọi các tầng lớp Nhân dân, các dân tộc ở vùng giải phóng, vùng địch kiểm soát, những người yêu nước

1. Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Viện Lịch sử Đảng - Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến, Hà Nội 1992, trang 343 - 344. Tuy nhiên, theo ý kiến của ông Nguyễn Đình Bằng - nguyên cán bộ Văn phòng Mặt trận khu 5 lại cho rằng Đại hội lần I của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nam Trung Bộ diễn ra vào ngày 5 - 3 - 1965 và ý kiến của ông Nguyễn Văn Hiếu - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành lại cho rằng Đại hội diễn ra vào ngày 22 - 4 - 1965. Trong khi còn có nhiều ý kiến khác nhau, Ban biên soạn xin được căn cứ vào nguồn tài liệu chính thống đã được xuất bản.

2. Lê Công Cơ, *Năm tháng dang người (Hồi ký)*, Nxb. Trẻ - Trường Đại học Duy Tân, 2013, trang 240.



*Đại hội lần thứ I Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ  
tại thôn Trung Tín, xã Kỳ Thạnh, huyện Nam Tam Kỳ,  
nay là xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành*

trong bộ máy nguy quyền, nguy quân hã đoàn kết lại để cùng nhau đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đại hội bầu Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Nam Trung Bộ gồm 25 vị, do nhà giáo Trần Hữu Duân làm Chủ tịch, ông Trương Công Thuận - đại biểu Đảng bộ Nam Trung Bộ làm Phó Chủ tịch; các ông Rơ Chôm Thép (dân tộc Gia Rai), ông Siu Tám (dân tộc Ê đê), nhà báo Hồ Hiếu Dân, Đại đức Thích Giác Lượng (Phật giáo), Linh mục Gia Cô Bê Nguyễn Hữu Thiên (Thiên Chúa giáo), giáo sư Hồ An (đại diện cho giáo chức), Lê Công Cơ (đại diện học sinh, sinh viên)..., làm Ủy viên. Đại hội kết thúc với bài hát *Giải phóng miền Nam* như lời đồng vọng của núi sông và của khối đại đoàn

kết toàn dân chỉ với một ý chí: “*Vùng lên Nhân dân miền Nam anh hùng. Thề cứu lấy nước nhà, thề hy sinh đến cùng...*”.

Từ ngày 7 đến ngày 18 - 6 - 1965, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lần thứ II cũng nhấn mạnh: “*Công tác mặt trận cần hướng vào việc tranh thủ các tầng lớp trung gian, tập hợp các khuynh hướng chống Mỹ và tay sai, công tác tôn giáo vận hiện nay là một khâu quan trọng của công tác mặt trận, nhất là tranh thủ nắm Phật giáo và tranh thủ lôi kéo quần chúng Công giáo để cô lập bọn phản động trong các tôn giáo. Mở Đại hội Mặt trận tỉnh, huyện, thành lập Ủy ban Mặt trận*”<sup>1</sup>.

Tại Tam Kỳ, Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động. Đầu năm 1965, Hội thành lập Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng, Chi đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng, phát hành tờ báo “*Đứng đầu gió*”. Tháng 5 - 1965, địch bao vây trụ sở của Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng. Nhân đó, Hội tổ chức mít tinh, kêu gọi quần chúng biểu tình rầm rộ từ ngã ba Nam Ngãi, sau đó lan rộng ra toàn nội ô thị xã Tam Kỳ. Đặc biệt, cuộc biểu tình chủ yếu do thanh niên, học sinh, sinh viên Tam Kỳ làm nòng cốt đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của đông đảo Nhân dân các xã vùng ven thị xã như Kỳ Anh, Kỳ Phú, Kỳ Nghĩa, Kỳ Hương, Kỳ Hưng..., đòi quân đội và chính quyền tỉnh Quảng Tín không được đưa binh lính đi càn quét, bắt bớ, đốt phá nhà cửa, mùa màng và kêu gọi binh lính địch đào ngũ để trở về với Nhân dân.

Sau Đại hội lần I của Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam Nam Trung Bộ, đích thân ông Lê Công Cơ

---

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lần thứ II, Ký hiệu tài liệu A 7-I, hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.



đã bàn giao tất cả cơ sở bí mật tại Tam Kỳ của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín, do ông Nguyễn Văn Sơn (Sơn Hải) đang phụ trách cho ông Đỗ Thế Cháp - Bí thư Thị ủy Tam Kỳ. Kể từ đây, Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thị ủy Tam Kỳ. Ngày 2 - 6 - 1965, Thị ủy Tam Kỳ mở lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tại vùng giải phóng thuộc thôn 5 xã Kỳ Trà<sup>1</sup>. Lớp học có đến 10 cơ sở trong tổ chức Hội về dự, đó là các ông: Nguyễn Văn Sơn, Đỗ Hùng Luân, Nguyễn Nhung, Nguyễn Đình Sơn, Vũ Bá Học (Khải), Trương Cao Nhã, Nguyễn Văn Tích (Quốc Quang), Nguyễn Vinh, Nguyễn Tấn An, Nguyễn Hữu Hồng (Hùng), nhằm bồi dưỡng lực lượng cốt cán trong phong trào đấu tranh hợp pháp. Một thời gian sau, nhiều thành viên trong số đó đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng, trên cơ sở đó đến tháng 8 - 1965, Chi bộ Trần Phú (mật danh chi bộ Đảng của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín) được thành lập, gồm 5 thành viên: Nguyễn Văn Sơn, Đỗ Hùng Luân, Nguyễn Nhung, Nguyễn Đình Sơn, Vũ Bá Học (Khải) do ông Nguyễn Văn Sơn làm Bí thư. Một số hội viên khác được Thị ủy Tam Kỳ rút lên vùng căn cứ Kỳ Trà, để tổ chức huấn luyện, đào tạo cách đánh giặc của du kích B, giao nhiệm vụ, trang bị vũ khí, chất nổ đưa vào thị xã để phối hợp đánh Mỹ - ngụy.

Để ngăn chặn sự phát triển của phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Nam, chiều ngày 28 - 10 - 1965, đích thân thiếu tá Nguyễn Ngọc Nghĩa - Tỉnh trưởng Quảng Tín trực tiếp tổ chức vây bắt những nhân vật chủ chốt của Hội như Đỗ

---

1. Vùng đất cách mạng này ngày nay nằm dưới lòng hồ Phú Ninh.

Hùng Luân, Nguyễn Đình Sơn, Nguyễn Nhung, Nguyễn Vinh, Trương Cao Nhã tại trường Trung học Trần Cao Vân; đồng thời vây ráp bên ngoài bắt Nguyễn Văn Sơn, Đào Ngọc Diêu, Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Bích và thầy giáo Nguyễn Lương Ý trước sự ngỡ ngàng, mền phục của thầy trò nhà trường, tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín bị tan vỡ. Tin giáo viên và học sinh trường Trung học Trần Cao Vân bị địch bắt đã nhanh chóng lan ra các trường trong và ngoài tỉnh, được đài Hà Nội đưa tin, báo chí miền Nam đăng tải, phóng viên hãng AFP, UPI của nước ngoài chụp ảnh, phỏng vấn..., gây nên sự xúc động mãnh liệt trong giới trẻ, góp phần làm thay đổi suy nghĩ và hướng đi của những người còn có tư tưởng lừng chừng. Những thành viên còn lại của Hội chưa bị lộ, chưa bị địch bắt vẫn âm thầm hoạt động, tập hợp lực lượng, xây dựng cơ sở, sẵn sàng đấu tranh khi thời cơ đến; một số khác thoát ly lên vùng giải phóng, tham gia lực lượng vũ trang.

Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam cũng có sự thay đổi về nhân sự, sau khi ông Hồ Truyền về nhận công tác tại huyện Nam Tam Kỳ, ông Nguyễn Hoàng (Hoàng Nguyên Trường) được Tỉnh ủy phân công làm Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tỉnh<sup>1</sup>.

Nhìn chung, từ khi đế quốc Mỹ vào Đà Nẵng, Quảng Nam, quân và dân ta trong thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc đã kiên quyết trụ bám, bao vây tiến công địch, buộc chúng phải đối phó trong thế bị động phân tán, nên phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn được giữ vững. Đặc biệt, với thế trận chiến

---

1. Ghi theo tài liệu do ông Nguyễn Hoàng Ngọc - nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam tổng hợp và cung cấp, tài liệu hiện lưu tại Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam.



Ông NGUYỄN HOÀNG  
(HOÀNG NGUYỄN TRƯỜNG)  
Trưởng ban Dân vận - Mặt trận  
tỉnh Quảng Nam  
(10/1965 - 7/1967)

tranh nhân dân mang tính “*thiên la địa võng*” của vành đai Chu Lai, Hòa Vang đã thực sự trở thành nỗi ám ảnh của những người lính Mỹ, như chúng đã thú nhận: “*Du kích Việt Cộng, những người đánh nhau trong bóng tối đã trở thành những chuyên viên trong nghệ thuật dùng cạm bẫy và chông mìn. Có tới 20% số lính Mỹ bị thương vong vì hầm chông và mìn của Việt Cộng và con số thương vong này ngày càng tăng...Bất luận ở đâu, qua mỗi cuộc tuần tra, người lính nào cũng nghĩ rằng bước thêm một bước nữa có thể là bước cuối cùng của đời mình*”<sup>1</sup>.

Bước sang năm 1966, ở miền Nam, quân Mỹ thực sự là lực lượng đóng vai trò cơ động chủ yếu trên chiến trường. Trên địa bàn Quảng Nam, để mở rộng địa bàn kiểm soát, tạo vành đai trắng bảo vệ các căn cứ, ngày đêm chúng tiến hành càn quét kết hợp với bom pháo, chất độc hóa học liên tục đánh phá ra vùng tranh chấp và vùng giải phóng, nhằm đẩy lực lượng ta ra xa, xúc dân đưa về vùng chúng kiểm soát, lập khu dồn, hỗ trợ cho nguy quân, nguy quyền khổng chế Nhân dân. Cảnh đó,

1. Dẫn lại từ tập sách *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam, 2004, trang 134.

chúng vừa dùng chiến tranh tâm lý, dùng hàng hóa và tiền bạc để dụ dỗ, mua chuộc, lừa bịp Nhân dân; vừa thực thi chính sách đánh vào kinh tế của dân một cách toàn diện, làm cho dân đói, ác liệt, căng thẳng không trụ bám nổi, buộc phải theo chúng; làm cho lực lượng ta mất chỗ dựa, suy yếu không đủ sức tấn công, chỉ viện cho các vành đai. Ở một số nơi như Hòa Liên (Hòa Vang), Điện Phước (Điện Bàn), vùng B Đại Lộc; các xã Kỳ Sanh, Kỳ Trà, Kỳ Yên, Kỳ Chánh, Kỳ Thạnh cùng một số thôn của Kỳ Khương thuộc huyện Nam Tam Kỳ..., ngày đêm không ngớt tiếng gầm rú của bom, pháo. Chỉ tính riêng xã Kỳ Sanh, có tháng hầu như ngày nào quân Mỹ cũng đi càn với những qui mô khác nhau<sup>1</sup>. Tại những nơi Mỹ càn đến, không chỉ tính mạng, tài sản của Nhân dân bị uy hiếp nghiêm trọng, mà tình trạng hãm hiếp phụ nữ, kể cả những bé gái mới 14, 15 tuổi xảy ra thường xuyên. Nhưng thâm độc nhất là việc địch dùng mọi thủ đoạn nhằm chia rẽ cách mạng với Nhân dân, chia rẽ Nhân dân thôn này với thôn khác, gây tâm lý bất an nghi kỵ lẫn nhau. Chẳng hạn như tại thôn 7, xã Kỳ Sanh, địch có câu vè: “*Xóm một là xóm quốc gia, xóm hai cách mạng, xóm ba lưng chừng*”. Vì vậy, cán bộ các đoàn thể giải phóng phải tiến hành phân tích, mổ xẻ vấn đề, xây dựng cơ sở, động viên Nhân dân giữ vững sự đoàn kết nhất trí, tin tưởng lẫn nhau.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta với thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, bằng nhiều phương thức tác chiến khác nhau, đã chặn đánh địch trên mọi hướng, tiến công chúng khắp nơi. Trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hội viên các đoàn thể giải phóng ngày đêm bám sát địa bàn, vận động Nhân dân đấu tranh với

---

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Núi Thành 1954 - 1975*, Núi Thành 2010, trang 151.

địch. Từ ngày 28 - 1 đến ngày 25 - 2 - 1966, các tầng lớp nhân dân vùng B Đại Lộc tham gia đấu tranh chính trị, binh vận, góp phần cùng lực lượng vũ trang đánh bại cuộc hành quân càn quét của 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ và 3 tiểu đoàn quân ngụy; từ ngày 8 - 2 đến ngày 10 - 3 - 1966, đồng bào Nam Tam Kỳ cùng lực lượng vũ trang chống các cuộc càn quét, lùng sục của Mỹ - ngụy vào Mỹ Sơn, Núi Miếu (Kỳ Chánh), Đất Đỏ (Kỳ Vinh)... Ở các xã quanh căn cứ Chu Lai, địch tiến hành dồn dân, lập vành đai trắng cũng vấp phải sự chống đối quyết liệt của đồng bào. Những nơi bị địch xúc tát vào áp chiến lược, khu tập trung, đồng bào vẫn tìm mọi cách trở về làng cũ, trụ bám lại, trồng khoai, tía bắp, cây lúa, nuôi giấu che chở cho cán bộ, bộ đội. Cùng thời gian này, quân ta tiêu diệt trận địa tên lửa Hawk của quân Mỹ trên đỉnh núi Phước Tường; từ ngày 19 đến ngày 27 - 2 - 1966, quân và dân các huyện Thăng Bình, Tiên Phước, Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của Mỹ - ngụy; ngày 24 - 3 - 1966, Trung đoàn 31 (Quân khu 5) phục kích tiêu diệt 120 xe quân sự của Mỹ, ngụy và Nam Triều Tiên trên Quốc lộ I, đoạn Hương An - Bà Rén; ngày 2 - 4 - 1966, được sự hỗ trợ của Nhân dân và du kích xã Đại Hồng (Đại Lộc), bộ đội địa phương huyện đã tiêu diệt gần trọn 1 đại đội Mỹ tại thôn Ngọc Kinh. Ở vùng tây và vùng trung Hòa Vang, ven thị trấn Vĩnh Điện và vùng cát Điện Bàn, cánh Bắc thị xã Hội An; ven quận lỵ Duy Xuyên, Quế Sơn, các xã xung quanh căn cứ Chu Lai..., phong trào chống dồn dân, lập vành đai trắng, chống lập tề và nhất là lập “*áp chiến lược*” diễn ra quyết liệt, làm cho kế hoạch “*bình định*”, kẹp dân của Mỹ - ngụy chững lại.

Do những thất bại nặng nề trên chiến trường và tranh giành quyền lực lẫn nhau, nội bộ ngụy quyền Sài Gòn có những

mâu thuẫn gay gắt, dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị, mở đầu là việc Hội đồng quân sự do Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu cách chức Nguyễn Chánh Thi - Tư lệnh Quân đoàn I vào ngày 10 - 3 - 1966. Được tin Nguyễn Chánh Thi bị cách chức, ngày 11 - 3 - 1966, sĩ quan và binh lính thuộc phe phái của y ở miền Trung tổ chức một cuộc mít tinh ở hội trường Trung Vương (Đà Nẵng) nhằm “*yêu cầu chính phủ Trung ương phục chức cho Trung tướng Nguyễn Chánh Thi*”. Tối 11 - 3 - 1966, tay chân của Nguyễn Chánh Thi tổ chức cuộc họp thành lập “*Ủy ban quân dân vùng I chiến thuật*” nhằm chống lại nguy quyền Trung ương.

Nhân cơ hội này, các cơ sở cách mạng hoạt động trong nội thành như: Vĩnh Kha, Phan Chính Dinh, Tuyết Mai..., đã hướng dẫn học sinh, sinh viên, công nhân, tiểu thương, trí thức và một số tăng, ni, Phật tử trong phong trào Phật giáo ở Đà Nẵng xuống đường phản đối Thiệu - Kỳ, tổ chức đình công, bãi thị, bãi khóa, biểu tình, mít tinh trên các đường phố, đẩy lên cao trào đấu tranh chính trị rộng khắp ở 29 tỉnh, thành phố, thị xã trên toàn miền Nam. Cơ sở bí mật, cán bộ, đảng viên của ta ở Đà Nẵng đưa người vào “*tổ chức ly khai*” của địch, “*lái phong trào theo hướng có lợi cho ta*”. Ngày 13 - 3 - 1966, “*Ủy ban quân dân vùng I chiến thuật*” được đổi thành “*Ủy ban quân dân đấu tranh vùng I chiến thuật*”. Ông Phan Chính Dinh - cơ sở bí mật của ta được bầu vào Ủy ban lãnh đạo, làm Trưởng ban kế hoạch. Một giáo viên yêu nước do cơ sở ta giới thiệu được bầu làm Chủ tịch. Ngày 15 - 3 - 1966, một cuộc mít tinh lớn diễn ra tại công viên Diên Hồng với khoảng 10.000 quần chúng tham dự. Ngày 19 - 3, “*Ủy ban quân dân đấu tranh vùng I chiến thuật*” đổi thành “*Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*”. Thị trưởng Đà Nẵng Nguyễn Văn Mẫn tuyên

bố đứng về phía quần chúng. Ngày 20 - 3 - 1966, “*Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*” tổ chức lễ ra mắt trước 15.000 quần chúng tại công viên Diên Hồng, công bố tuyên ngôn về lập trường và mục tiêu đấu tranh của lực lượng, nêu rõ tình trạng Mỹ xâm phạm chủ quyền quốc gia Việt Nam, tuyên bố rút khẩu hiệu ủng hộ Nguyễn Chánh Thi và thông báo 10 điểm quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng, quy định tạm thời về việc huy động quần chúng xuống đường và về trật tự trị an trong thành phố. Chiều ngày 21 - 3 - 1966, gần 700 xe xích lô, xe lam tổ chức tuần hành qua nhiều đường phố. Sáng 22 - 3 - 1966, 3.000 học sinh xuống đường tổ chức mít tinh và ra tuyên cáo nêu rõ: Không có trường học nào bằng trường học yêu nước, không có bài học nào bằng bài học Nhân dân, khi nước mất, nhà tan, văn hóa nô dịch thì không thể ngồi yên trên ghế nhà trường.

Ngày 24 - 3 - 1966, Thành ủy Đà Nẵng cử cán bộ vào nội thành trực tiếp chỉ đạo phong trào, cũng trong ngày này, quần chúng chiếm Đài phát thanh Đà Nẵng. Ngày 25 - 3 - 1966, bộ máy an ninh ngụy quyền tại Đà Nẵng rệu rã, “*Lực lượng thanh niên tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*” (một bộ phận của “*Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*” có nhiệm vụ tập hợp lực lượng thanh niên, học sinh) làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh thành phố. Ngày 26 - 3 - 1966, Nhân dân Hội An chiếm Đài phát thanh Hội An.

Ngày 30 - 3 - 1966, cuộc biểu tình của lực lượng tài xế - thợ máy Đà Nẵng bị binh lính Mỹ khiêu khích, gây thương vong trên đường Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn). Lập tức hàng vạn Nhân dân Đà Nẵng xuống đường tiếp sức cho lực lượng tài xế - thợ máy và tràn đi khắp các đường phố. Ngày

31 - 3 - 1966, ta thực hiện “thành phố chết” và thông báo bắt đầu từ ngày 1 - 4 - 1966, cấm người Mỹ đi lại trong thành phố. Tướng Oantơ, chỉ huy thủy quân lục chiến Mỹ tại Đà Nẵng phải ra lệnh di tản tất cả người Mỹ (dân sự) về các căn cứ Mỹ.

Tuy nhiên, từ ngày 19 - 4 - 1966 trở đi, do ta lúng túng trong việc chỉ đạo, nên phong trào có dấu hiệu lắng xuống dần. Chớp lấy cơ hội này, ngày 15 - 5 - 1966, Thiệu - Kỳ đưa 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến từ Sài Gòn ra, đổ bộ lên Thanh Bò - Đức Lợi và sân bay Đà Nẵng, đánh chiếm Bộ tư lệnh Quân đoàn I, Tòa Thị chính, Quân vụ thị trấn, sở Bru điện, Đài phát thanh, Ngân hàng. Lực lượng quân ly khai cùng với công nhân tài xế - thợ máy, công nhân khuân vác, công nhân hỏa xa, quần chúng lao động ở các khu phố, thanh niên, học sinh, sinh viên quyết tử (sinh viên quyết tử từ Huế hành quân vào) đã dũng cảm chiến đấu, giành với quân Thiệu - Kỳ từng góc phố. Phụ nữ tiểu thương ở chợ Cồn và cơ sở bí mật của ta đã vận động binh lính địch, giằng súng trên tay địch. Một chú tiểu ở chùa Từ Vân nằm dưới xích xe M113 không cho xe địch chạy. Quần chúng phao tin quân giải phóng sắp vào thành phố làm cho địch rất lo ngại.

Ngày 20 - 5 - 1966, Thiệu - Kỳ cho ném bom chùa Tân Ninh. Ngày 23 - 5 - 1966, Thiệu - Kỳ chiếm lại Đà Nẵng. Lực lượng quân ly khai rút ra Huế. Thị trưởng Đà Nẵng Nguyễn Văn Mẫn bị bắt đưa về Sài Gòn, các cán bộ lãnh đạo và cơ sở của ta kịp rút về căn cứ an toàn.

Sự kiện Nhân dân Đà Nẵng làm chủ thành phố 76 ngày đêm thể hiện sức mạnh và tinh thần đấu tranh anh dũng của Nhân dân thành phố và là một bước ngoặt trong phong trào đấu tranh ở đô thị. Đây là cuộc tập dượt vũ trang khởi nghĩa của



Nhân dân Đà Nẵng, đồng thời là một minh chứng sinh động về việc kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, về vận dụng “2 chân, 3 mũi giáp công” trong cao trào cách mạng ở đô thị<sup>1</sup>.

Cùng với sự kiện Nhân dân Đà Nẵng làm chủ thành phố 76 ngày đêm, phong trào Nhân dân “*nhập đồn*” đấu tranh chính trị, làm binh vận đòi địch không được bắn phá vào làng mạc, ruộng đồng, đòi địch bồi thường nhân mạng cho những người chết, cứu chữa cho người bị thương..., diễn ra khắp nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà. Từ đó đã hạn chế được hành động cướp bóc, phá phách của địch, đồng thời có tác dụng khơi dậy tình người trong binh lính Mỹ, góp phần tạo nên tâm lý chán ghét chiến tranh, thúc đẩy phong trào phản chiến trong binh lính Mỹ- ngụy.

Tuy nhiên, thắng lợi quan trọng nhất là thông qua các cuộc đấu tranh chính trị trực diện với địch, quần chúng Nhân dân đã khôn khéo kết hợp với công tác binh địch vận, từng bước làm cho binh lính địch hiểu ra bản chất sự thật của cuộc chiến tranh phi nghĩa mà đứng về phía Nhân dân mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển phong trào cách mạng ở những giai đoạn tiếp theo.

## **2. Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh lần thứ I; chuẩn bị thực lực cách mạng, góp phần vào thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1967 - 1968)**

Bước vào mùa khô 1966 - 1967, với lực lượng được tăng tên hơn 980.000 quân, trong đó Mỹ và Đồng Minh hơn 440.000 tên. Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm tiêu

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 497 - 502.

diệt quân chủ lực của ta, tạo bước ngoặt trong chiến tranh. Trên chiến trường Quảng Đà, Mỹ tăng cường càn quét đánh phá vùng A Điện Bàn, tây Duy Xuyên. Ở Quảng Nam, địch triển khai kế hoạch “*bình định*” nông thôn từ tháng 11 - 1966 với trọng điểm là các xã nằm dọc quốc lộ 1, xung quanh các quận lỵ Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn, Bắc Tam Kỳ... Tại Quế Sơn, quân Mỹ hoạt động biệt kích song song với tăng cường càn quét, củng cố mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các xã Sơn Ninh, Sơn Khương, Sơn Thọ, Sơn Phước. Đánh sâu vào các huyện miền núi Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My để xúc dân đưa về tập trung ở các khu dồn. Riêng đối với 5 xã vùng phụ cận căn cứ quân sự Chu Lai, địch củng cố lại bộ máy kìm kẹp từ xã, áp đến liên gia, xúc dân các thôn Đức Bó, Thạch Kiều, Khương Nhơn, Xuân Vinh<sup>1</sup> đi nơi khác, để biến khu vực này thành vành đai trắng. Chúng xây dựng nhiều điểm dồn dân tạm thời, gọi là “*khu tiếp cư*”, đồng thời đưa những tên “*cán bộ bình định*” xuống quản lý từng khu dồn ở địa phương.

Trước âm mưu mới của địch, Tỉnh ủy Quảng Nam, Quảng Đà đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân: Chủ động tiến công và phản công địch liên tục bằng “*hai chân ba mũi giáp công*”; tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đánh bại âm mưu càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng, xúc dân lập ấp chiến lược; tích cực xây dựng vùng giải phóng nông thôn, đồng bằng và căn cứ miền núi về mọi mặt, nâng phong trào miền núi và phong trào đô thị lên phù hợp với yêu cầu chung, giữ vững vùng giải phóng, mở rộng thế làm chủ ở vùng Mỹ đóng quân, đẩy mạnh sản xuất và phục vụ tiền tuyến, xây dựng lực lượng ta

---

1. Nay thuộc các xã Tam Xuân 1, Tam Xuân 2, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam, Tam Hiệp (Núi Thành).

manh mẽ về mọi mặt, quyết tâm cùng toàn miền Nam đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ.

Thực hiện chủ trương trên, các đoàn thể giải phóng trên địa bàn vận động các tầng lớp Nhân dân chủ động tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu cùng với các lực lượng vũ trang giành nhiều thắng lợi vang dội. Ngày 22 - 1 - 1967, đơn vị R20 Quảng Đà diệt 1 tiểu đoàn Mỹ ở Xuyên Thanh (nay là xã Duy Thành, Duy Xuyên), góp phần động viên, cổ vũ phong trào du kích chiến tranh ở Quảng Nam, Quảng Đà.

Từ cuối tháng 4 - 1967, trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà, Mỹ- ngụy mở hàng loạt cuộc càn quét, xúc tát dân vào các khu đồn; thực hiện chính sách “*tam quang*” (cướp sạch, đốt sạch, phá sạch); đồng thời gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu. Tiêu biểu như vào tháng 5 - 1967, chúng gây ra vụ tàn sát 34 người dân ở thôn Trung và Châu Lâu, xã Điện Thọ (Điện Bàn) và 21 người dân xã Xuyên Khương (nay là xã Duy Châu, Duy Xuyên). Tháng 6 - 1967, chúng tiếp tục sát hại 85 người dân Xuyên Phước (nay thuộc xã Duy Phước, Duy Xuyên)..., bắn phi pháo, tăng cường rải chất độc hóa học, tiến hành các hoạt động biệt kích vào vùng giải phóng và miền núi.

Trước sự đánh phá, hủy diệt của Mỹ - ngụy, vùng giải phóng của ta bị thưa dân, có nơi trắng dân, gây cho ta nhiều khó khăn. Nhưng từ trong gian khổ hy sinh mối quan hệ của dân với Đảng, với lực lượng vũ trang trở nên máu thịt hơn bao giờ hết. “*Bốn bám*” trở thành hành động cách mạng và mệnh lệnh từ trái tim của mỗi người dân yêu nước. Đảng bám dân, cắm sâu gốc rễ vào lòng dân để lãnh đạo Nhân dân và cùng Nhân dân bám trụ đánh địch. Dân bám đất kiên quyết thực hiện “*một tác không đi, một ly không rời*” để Đảng không “*mò côi*”

dân; để cán bộ, đảng viên, du kích có chỗ dựa mà tiếp tục hoạt động. Du kích bám địch để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ vùng giải phóng. Trên bám dưới để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở các địa phương. Nhiều nơi, địch đánh phá ác liệt, đồng bào chỉ che một vài tấm tranh, một cái nong hay một tấm ni lông trên miệng hầm tránh bom để ở. Nhờ thực hiện “*bốn bám*”, ta vẫn giữ được phong trào, giữ được thế, giữ được đất, giữ được dân và đánh được địch. Những gia đình trụ bám trở thành chỗ dựa, nơi để cán bộ, đảng viên bám chân lãnh đạo phong trào.

Vượt lên gian khổ hy sinh, các đợt đấu tranh chính trị và binh vận của nhân dân Quảng Nam - Quảng Đà vẫn diễn ra trên hầu khắp các địa bàn. Trên mặt trận đấu tranh chính trị đã có hàng chục cuộc đấu tranh lớn nhỏ, có gần 6.000 lượt người tham gia, với nhiều hình thức phong phú. Trong các khu đồn, Nhân dân đấu tranh đòi được trở về quê cũ làm ăn sinh sống. Ở các vùng xung yếu, tranh chấp, Nhân dân đồng loạt kéo vào quận lỵ, nơi đóng đồn của quân Mỹ - ngụy dùng lời lẽ hợp tình, hợp lý để ngăn chặn, không cho chúng cày ủi ruộng vườn, mò mả, đốt nhà, giết hại trâu bò; đồng thời mở rộng thế làm chủ hợp pháp ở vùng Mỹ đóng quân; tạo thế thực hiện phương châm đấu tranh ba mũi giáp công, tạo điều kiện để cán bộ và lực lượng vũ trang có chỗ đứng chân.

Không chỉ đấu tranh chính trị chống Mỹ, bài ngụy, đòi các quyền tự do dân sinh, dân chủ. Hội viên các đoàn thể giải phóng còn khéo léo kết hợp đấu tranh chính trị với binh vận, gây hoang mang trong hàng ngũ địch. Các khẩu hiệu “*Gia đình hai mặt, mặc áo hai màu*”, “*Tìm một lối ra vinh dự cho người thân*” luôn được chú ý tuyên truyền trong các gia đình binh sĩ.

Qua đó nhiều gia đình đã hiểu rõ đường lối chính sách “*đánh người chạy đi, không đánh người chạy lại*” của ta nên đã quyết tâm giáo dục, thuyết phục và vận động chồng con, anh em trở về với Nhân dân, với cách mạng. Chính những quan hệ ruột thịt, máu mủ này đã tác động rất lớn đến tâm tư, tình cảm của nhiều sĩ quan, binh sĩ địch. Ngoài đấu tranh tuyên truyền, vận động bằng lực lượng quần chúng, ta còn in ấn phát hành hàng vạn truyền đơn, áp phích, khẩu hiệu; sáng tác thơ ca, hò vè, viết vẽ khắp nơi với những nội dung:

*Chông mìn đánh bọn ác ôn  
Anh em binh sĩ biết khôn đừng lòng*

Hoặc:

*- Chim khôn chưa bắt đã bay  
Người khôn biết thấy đường ngay trở về  
- Mỹ thua Mỹ rút về nước  
Anh em binh sĩ đi về nơi đâu*

Chính cách tuyên truyền đa dạng, phong phú như vậy đã thu được nhiều thắng lợi có ý nghĩa quan trọng. Nhiều người tỏ ra do dự cầm súng lấy lệ, hoặc tích cực hơn mang súng về với cách mạng, bỏ ngũ về với gia đình. Kết quả, những tháng đầu năm 1967 đã có hàng trăm binh sĩ nguy đào rã ngũ trở về với cách mạng. Lực lượng chính trị ở các địa bàn vùng sâu, kể cả trong các khu đồn, áp chiến lược luôn được xây dựng, củng cố, sẵn sàng hành động khi nhận được chỉ đạo của cấp trên.

Mặc dù còn không ít khó khăn, nhưng đến giữa năm 1967, nhìn chung tỉnh Quảng Nam đã giải phóng đại bộ phận nông thôn và đồng bằng, làm chủ các huyện miền núi, thực lực cách mạng đã mạnh lên nhiều lần. Trong điều kiện toàn tỉnh đã

có vùng giải phóng rộng lớn, Tỉnh ủy quyết định triệu tập Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh lần thứ I; giao cho Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh cùng các đoàn thể chính trị của tỉnh đảm nhận việc chuẩn bị Đại hội, cả về nội dung và nhân sự.

Qua một thời gian chuẩn bị, Ban Dân vận - Mặt trận đã trực tiếp báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung và nhân sự, được tập thể thảo luận và quyết định triệu tập Đại hội. Trong 2 ngày 26 & 27 - 7 - 1967<sup>1</sup> tại thôn 2 xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước đã diễn ra Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ I. Thành phần đại biểu mỗi huyện, thị xã từ 8 - 10 người, riêng thị xã Tam Kỳ là 15 người cả hợp pháp và bất hợp pháp, trong có có đại biểu của các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành..., trí thức, công thương gia, đại biểu người Hoa, đại biểu đồng bào các dân tộc thiểu số, các già làng có uy tín...

Đại hội được tiến hành trong thời điểm cuộc chiến đấu giữa ta và địch trên chiến trường Quảng Nam đang diễn ra quyết liệt. Địch tập trung lực lượng càn quét, đánh phá nhằm giành lại những vùng đã mất, đóng chốt thêm nhiều cứ điểm, xúc tát

---

1. Hiện vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau xung quanh thời điểm Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ I như: Ông Hoàng Hương Việt - nguyên cán bộ Ban Tuyên huấn tỉnh Quảng Nam thời chống Mỹ cho rằng Đại hội diễn ra vào đầu năm 1966; Bà Hồ Thị Kim Thanh - nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Nam cho rằng Đại hội diễn ra vào cuối năm 1963; Ông Nguyễn Thành - nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng thì khẳng định Đại hội diễn ra vào ngày 27 - 7 - 1967... Để thống nhất ngày Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh, ngày 1 - 3 - 2018 tại Đà Nẵng, chúng tôi đã làm việc với các nhân chứng lịch sử: Nguyễn Thành, Hoàng Hương Việt, Trần Thanh Trà (nguyên Chánh Văn phòng Tỉnh Đoàn Quảng Nam thời chống Mỹ)... Và đã đi đến thống nhất Đại hội lần thứ nhất của Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh diễn ra từ ngày 26 đến ngày 27 - 7 - 1967.

dân vùng giải phóng vào các khu tập trung, áp chiến lược. Vì vậy, đường giao liên giữa vùng ta và vùng địch thường bị phục kích, gây cho ta nhiều tổn thất, nên việc đưa các đại biểu từ thị xã Tam Kỳ và vùng địch kiểm soát ra dự Đại hội là một nhiệm vụ rất khó khăn và nặng nề. Ban tổ chức Đại hội được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang và đội công tác các xã liên tục bám địch, nên đã đưa các đại biểu về dự Đại hội an toàn, tiêu biểu như các đại biểu: Ông Chánh Minh (Trần Hữu Minh), ông Phó Ngạc (Nguyễn Tấn Phát) ở xã Tam Dân (Phú Ninh), cụ Nghè Đào (Đào Quý) ở Quế Sơn, ông Ngô Như Long - đại biểu Công giáo ở xã Kỳ Sơn (Núi Thành), đại đức Thích Thành Minh (Trần Hữu Đẩu) - đại biểu Phật giáo ở huyện Thăng Bình, bác sĩ Võ Tuyển - Trưởng ban Dân y tỉnh, đại diện nhân sĩ, trí thức; ông Phan Lương Ngọc (Phan Hoàng) ở chợ Bà (Thăng Bình) - thầy thuốc Đông y, đại diện tầng lớp công thương gia...

Đại hội vinh dự đón đoàn đại biểu Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Trung Trung Bộ do ông Ngô Hai - Khu ủy viên, Phó Chủ tịch và bà Nguyễn Thị Lãnh - đại biểu Hội Phụ nữ Khu 5 về dự Đại hội.

Đại hội nhất trí đánh giá: Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, được sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, từ miền núi đến đồng bằng, đô thị; từ vùng giải phóng cho đến vùng địch kiểm soát đã đoàn kết một lòng, đứng lên đấu tranh chống chế độ Mỹ - ngụy bằng phương châm “*hai chân ba mũi giáp công*”, tấn công địch liên tục, tiêu hao nhiều sinh lực địch, mở rộng và giữ vững vùng giải phóng, phát triển thực lực cách mạng ở vùng địch còn kiểm soát, trọng điểm là thị xã Tam Kỳ.

Đại hội thông qua Chương trình hành động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh trong những năm tới với những nội dung chủ yếu: Tập trung tuyên truyền, phổ biến Cương lĩnh 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và sự thành công của Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ nhất đến mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh, trọng điểm là ở vùng địch kiểm soát, các quận lỵ, thị xã, trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền; Xây dựng và phát triển cơ sở trong vùng địch, trọng điểm là thị xã Tam Kỳ, chú trọng các chức sắc trong các tôn giáo, công thương gia, trong cộng đồng người Hoa, trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền. Thị xã Tam Kỳ cần tập trung chỉ đạo bất liên lạc với các cơ sở của ta như Đinh Thế Hiền, Trần Ngọc Bích, Nguyễn Đình Hòe, Ngô Nhược Kim, Đại đức Thích Thiện Duyên, Mục sư Nguyễn Vọng..., để hình thành lực lượng chỉ đạo hợp pháp ở trung tâm đầu não của địch ở tỉnh lỵ Quảng Tín; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp cùng với các đoàn thể quần chúng phân công cán bộ bám sát cơ sở, tổ chức lực lượng, hình thành đội ngũ, thực hiện “*hai chân ba mũi giáp công*”, tấn công địch ở cả 3 vùng: Vùng giải phóng, vùng làm chủ và vùng địch kiểm soát; kiên quyết chống càn quét, lấn chiếm, xúc tát dân ở vùng giải phóng, bảo vệ tài sản, tính mạng cho Nhân dân. Đối với quận lỵ, thị xã, huy động quần chúng tấn công địch về chính trị, làm công tác binh vận, làm cho hàng ngũ địch hoang mang, dao động; vận động gia đình binh lính kêu gọi chồng, con em về với gia đình, về với cách mạng...

Đại hội đã hiệp thương thông qua danh sách Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh gồm 25 vị,



do ông Đồng Lương (Phan Hiền) - Phó Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh làm Chủ tịch, Đại đức Thích Thành Minh làm Phó Chủ tịch.

Thành công của Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh một lần nữa khẳng định sự kế tục truyền thống đoàn kết vốn có của Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt trước đây trong một hoàn cảnh lịch sử mới, nhằm xây dựng sự đồng thuận xã hội và khoan dung để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sức mạnh dân tộc để đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng quê hương. Đồng thuận là sự thỏa thuận về cái chung, cái cơ bản nhất, đồng thời chấp nhận sự khác biệt nhất định về thành phần dân tộc, tôn giáo, văn hóa, ngôn ngữ, lợi ích..., trong xã hội. Khoan dung trước hết là sự thừa nhận và tôn trọng sự khác nhau của các thành phần trong cộng đồng dân tộc; là chấp nhận sự khác biệt về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng..., giữa các dân tộc khác nhau để cùng thực hiện mục đích cao cả nhất là giành độc lập, tự do cho dân tộc. Chính vì vậy, thành công của Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh lần thứ I càng có ý nghĩa lịch sử quan trọng.

Từ ngày 15 đến ngày 30 - 8 - 1967, Đại hội bất thường Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được tổ chức tại Tây Ninh với sự tham dự của các đại biểu đại diện cho khối đại đoàn kết dân tộc trên toàn miền Nam từ Quảng Trị đến Cà Mau. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh chính trị mới* của Mặt trận, trong đó chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu chiến đấu của đồng bào ta là: Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai của chúng, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc và dân chủ rộng

rãi, xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Cũng như cả miền Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà có nhiều tổ chức chính trị lớn gia nhập và trở thành thành viên của Mặt trận: Đảng Nhân dân cách mạng<sup>1</sup>, Quân giải phóng (tên gọi các lực lượng vũ trang), Hội Lao động giải phóng, Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Hội Liên hiệp học sinh - sinh viên giải phóng, Hội Văn nghệ giải phóng, Hội các nhà báo yêu nước và dân chủ, Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, Hội những người kháng chiến cũ, Nhóm những người đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập của Tổ quốc Việt Nam; các Hội quần chúng có tính chất tôn giáo của các tín đồ Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Đảng Xã hội cấp tiến của trí thức, Đảng Dân chủ miền Nam Việt Nam của tư sản dân tộc... Trong các thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam có những Hội có tới hàng vạn hội viên, như Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, Hội Liên hiệp thanh niên giải phóng...

Sự phát triển của lực lượng cách mạng còn thể hiện ở chỗ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh đã nhanh chóng xây dựng được cơ sở của mình từ xã đến tỉnh. Đến tháng 10 - 1967, nhìn chung ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh đều có Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, ở một số nơi có điều kiện Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tổ chức ra mắt Nhân dân. Thông qua báo Giải phóng Quảng Nam (cơ quan ngôn luận của Mặt trận), các tập thơ văn, ca dao kháng chiến, bản

---

1. Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam (tên gọi khác của Đảng Cộng sản Việt Nam) ra đời ngày 1 - 1 - 1962.

tin (đều in li-tô) được phát hành đến tận các cơ quan, đơn vị bộ đội, các huyện, xã, vùng ven, thành phố, thị xã, góp phần thông tin, tuyên truyền, quảng bá, động viên quân và dân thi đua yêu nước, hướng về Mặt trận.

Cuối năm 1967, đầu năm 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau 2 mùa khô, ta chủ trương mở một cuộc “*tổng công kích, tổng khởi nghĩa*”<sup>1</sup> trên toàn miền Nam, chủ yếu vào các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận quân viễn chinh Mỹ, đánh sập nguy quân, nguy quyền, giành chính quyền về tay Nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán để rút hết quân về nước. Cùng thời gian này, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam gửi lời kêu gọi đến công chức, nhân viên, và binh sĩ chính quyền Sài Gòn trở về với Nhân dân, gia nhập hàng ngũ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam: “*Quân Mỹ và chư hầu đang thất bại, sa lầy nghiêm trọng, bọn đầu sỏ Việt gian lưng chừng thối nát. Mặt trận Dân tộc Giải phóng kêu gọi những người đang ở ngã ba đường hãy bỏ đời lính đánh thuê cho giặc về với quê hương, hãy quay súng bắn vào bọn Việt gian, cùng với Nhân dân đánh bại quân Mỹ, cứu nước lập công. Các bạn binh sĩ hãy khởi nghĩa chống Mỹ - Thiệu và ly gián với đội quân bán nước. Chúng tôi sẵn sàng đón tiếp các bạn trở về với Nhân dân và cũng sẵn sàng để các bạn gia nhập Mặt trận*”<sup>2</sup>.

1. Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 12/1967 được Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua tháng 1 - 1968, thành Nghị quyết Trung ương lần thứ 14 với chủ trương đưa chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất bằng phương pháp “*tổng công kích, tổng khởi nghĩa*”. Về sau Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 (7 - 1973) gọi tổng công kích và tổng khởi nghĩa là tổng tiến công và nổi dậy. Chúng tôi thống nhất gọi như Nghị quyết Trung ương.

2. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, trang 554 - 555.

Tại Quảng Nam và Quảng Đà công tác chuẩn bị Tổng tiến công và nổi dậy cũng diễn ra khẩn trương. Từ ngày 14 đến ngày 18 - 10 - 1967, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII diễn ra tại xã Đốc (nay là xã Trà Đốc, huyện Bắc Trà My), vạch ra nhiệm vụ và biện pháp thực hiện phương hướng chiến lược của Trung ương Đảng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới do ông Vũ Trọng Hoàng làm Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 10 - 1967, Khu ủy 5 quyết định sáp nhập tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng thành Đặc khu Quảng Đà, ông Hồ Nghinh được Thường vụ Khu ủy chỉ định làm Bí thư Đặc Khu ủy, kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Đặc khu. Đến trước khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 diễn ra, Thường vụ Khu ủy 5 cử ông Trương Chí Cương - Phó Bí thư Khu ủy về trực tiếp làm Bí thư Đặc Khu ủy, ông Hồ Nghinh làm Phó Bí thư Đặc Khu ủy và vẫn phụ trách Mặt trận Dân tộc giải phóng Đặc khu Quảng Đà.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, đầu năm 1968, Tỉnh ủy điều động ông Trần Hải (Trần Hào) - cán bộ khu Điều dưỡng tỉnh về làm Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Theo kế hoạch của Trung ương, cuộc tổng tiến công và nổi dậy sẽ nổ ra vào đêm 29 rạng ngày 30 - 1 - 1968<sup>1</sup> (tức đêm 30 rạng ngày mừng 1 tết Mậu Thân), nhưng cũng chính trong thời điểm đó Tỉnh ủy Quảng Nam, Đặc Khu ủy Quảng Đà lại nhận được lệnh chuyển sang 31 - 1 - 1968. Do lệnh đến quá gấp,

---

1. Cuối năm 1967, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà tuyên bố ngày mùng 01 tết âm lịch Mậu Thân chậm hơn lịch cũ 1 ngày (tức ngày 31 - 1 - 1968 dương lịch), trong khi đó chính quyền Sài Gòn vẫn giữ nguyên lịch cũ. Trong công trình này chúng tôi sử dụng lịch miền Nam.

không thể chuyển kịp đến các địa phương, đơn vị trong tỉnh nên cuộc tổng tiến công và nổi dậy vẫn nổ ra ở một số nơi.

Trên hướng trọng điểm Quảng Đà, phối hợp với các mũi tiến công của lực lượng vũ trang, với quyết tâm “*Thiệu, Kỳ không đổ, không giỗ không tết*”. Tại Điện Bàn, Hội An hàng ngàn người tập hợp thành các cánh quân khởi nghĩa, kéo ra Đà Nẵng và tiến vào nội thị. Tuy nhiên, do địch tổ chức phản kích nên lực lượng khởi nghĩa không vào được nội thị, sau đó được tổ chức bố trí làm hậu cần, chuyển thương binh phục vụ cho bộ đội rút về căn cứ. Tại Thăng Bình, liên tiếp trong bốn ngày từ 30 - 1 đến ngày 2 - 2 - 1968, trên 10.000 lượt người ở các vùng nông thôn kéo vào quận lỵ bao vây, đuổi bắt ngụy tề và diệt dân vệ ác ôn. Những ngày tiếp theo, đội quân khởi nghĩa tiếp tục kéo về quận lỵ; một cánh quân khác từ 3 xã Bình Nam, Bình Hải, Bình Sa kéo vào chi viện cho Tam Kỳ, nhưng đến Quán Gò thì bị bọn Quốc dân đảng đàn áp.

Tại Tiên Phước, Quế Sơn..., Nhân dân cũng đồng loạt nổi dậy, kéo vào quận lỵ, cứ điểm của địch và phá được một số ấp chiến lược. Nhưng nhìn chung, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, mục tiêu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã không đạt được đầy đủ. Dựa vào quân đông, hỏa lực mạnh, địch đã điên cuồng phản kích, gây cho chúng ta nhiều thiệt hại.

Trong khi đó tại Tam Kỳ, nhận được lệnh hoãn tiến công, tất cả các đơn vị bộ đội chiếm lĩnh trận địa buộc phải bí mật rút lui. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy chậm lại một ngày; khi các chiến trường khác nổ súng, cán bộ binh vận của ta gọi loa uy hiếp địch, nên chúng ráo riết đề phòng, chặn các ngã đường làm cho ta rất khó tiếp cận. 4 giờ 30 phút ngày 30 - 1 - 1968 (tức đêm mùng 1 rạng sáng mùng 2 tết Mậu Thân), bộ đội ta



*Văn công quân Giải phóng Quảng Nam đi sát chiến trường phục vụ bộ đội (9-2-1968)*

nổ súng tấn công vào các mục tiêu trong thị xã, cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, Nhân dân đồng loạt nổi dậy, nhưng do không còn yếu tố bất ngờ, các mũi tiến công đều không vào được thị xã, kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền vì thế không thực hiện được.

Ở phía tây Duy Xuyên, đêm 30 rạng ngày 31 - 1 - 1968, đồng bào cùng bộ đội Sư đoàn bộ binh 2 tấn công vào quận lỵ, giải phóng thị trấn Nam Phước và thôn 6 xã Xuyên Trà, làm chủ đoạn đường quốc lộ I từ cầu Câu Lôu đến cầu Bà Rén. Tại Chu Lai, các lực lượng vũ trang ta bắn phá sân bay, tập kích

cứ điểm quân Mỹ ở Hồ Giang, trảng Bà Mù, căn cứ Ô Vuông, đánh sập cầu An Tân, bao vây quận lỵ Lý Tín.

Mặc dù chưa đạt được đầy đủ các mục tiêu đề ra, nhưng qua 10 ngày Tổng tiến công và nổi dậy, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã loại ra khỏi vòng chiến đấu 6.181 tên địch, trong đó có 2.590 tên Mỹ và Nam Triều Tiên, phá hủy 222 máy bay và nhiều vũ khí trang bị, phương tiện chiến tranh, bắt rút 6 cứ điểm, giải phóng hơn 5.000 dân<sup>1</sup>.

Trong đợt 2 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy (5 - 5 đến ngày 15 - 6), nhờ có sự chuẩn bị và với quyết tâm cao, ta bao vây tiến công chi khu quận lỵ Thượng Đức, đánh vào nội ô và vùng ven Hội An, đưa hơn 1.000 đồng bào trở về vùng giải phóng; tập kích cụm cứ điểm Bà Bầu, bắn phá sân bay Chu Lai, đột nhập thị xã Tam Kỳ, giải phóng Khâm Đức...

Tiếp theo trong đợt 3, liên tục từ ngày 17 - 8 đến đầu tháng 9 - 1968, các lực lượng vũ trang ta bao vây, đánh thiệt hại nặng căn cứ Thượng Đức (Đại Lộc), pháo kích tỉnh đường Quảng Nam tại Hội An, trụ bóm đánh địch càn quét ở tây Duy Xuyên, Gò Nổi (Điện Bàn), diệt địch tại Hà Kiêu, Tư Thiết (Thăng Bình), đánh điểm Gò Vãn, phá ấp chiến lược Kỳ Mỹ - Kỳ Bình (Tam Kỳ)..., loại ra khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên, phá huỷ một khối lượng lớn quân trang, quân dụng và phương tiện chiến tranh của chúng.

Mặc dù vẫn còn một số hạn chế, chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đề ra những yêu cầu chưa sát với thực tế, khi địch phản công ra nông thôn đồng bằng và miền núi, ta đánh trả hạn chế nên địch càn quét bình định nông thôn và đô thị rất quyết

---

1. *Lịch sử Lực lượng vũ trang Nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb. QĐND, Hà Nội 2003, trang 217.

liệt, phong trào nông thôn và đô thị gặp nhiều khó khăn. Nhưng nhìn chung, trong 3 đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, ta đã tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, góp phần đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Thắng lợi đó chứng tỏ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bằng lối đánh táo bạo, bất ngờ, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã tiến công vào tận hang ổ của Mỹ - nguy ở các đô thị Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và hầu hết các thị trấn trong toàn tỉnh, giáng một đòn nặng nề vào chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” của đế quốc Mỹ, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris.

## **II. VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHỐNG “BÌNH ĐỊNH” GIÀNH DÂN, GÓP PHẦN LÀM PHÁ SẴN CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH (1969 - 1972)**

### **1. Vận động Nhân dân kiên cường trụ bám, chống bình định giành dân, củng cố và xây dựng thực lực cách mạng (1969 - 1970)**

Sau thất bại của chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, đế quốc Mỹ quay sang thực hiện chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”. Thực chất của chiến lược này là việc tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược bằng cách củng cố và tăng cường nguy quân, nguy quyền “*dùng người Việt đánh người Việt*”, vừa xuống thang chiến tranh rút dần quân Mỹ về nước, vừa tập trung lực lượng để “*bình định nông thôn*”, đánh bật lực lượng chủ lực của ta ra khỏi nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng cho bọn tay sai vợ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh.



Quảng Nam, Quảng Đà là một trong những địa bàn trọng điểm của kế hoạch “*bình định nông thôn*” của Mỹ - ngụy. Từ đầu năm 1969, chúng huy động hầu hết các lực lượng quân Mỹ - ngụy và Nam Triều Tiên, liên tục mở các cuộc càn quét, bình định khắp các vùng nông thôn đồng bằng của tỉnh, nhất là vùng trọng yếu xung quanh các đô thị Đà Nẵng, Tam Kỳ, Hội An, Chu Lai, Điện Bàn...Chỉ tính riêng năm 1969, ở Quảng Nam, Quảng Đà, Mỹ - ngụy gây ra hơn 90 vụ thảm sát, giết chết hàng ngàn người, bắn chết 6.000 con trâu bò, đốt phá 12.400 nóc nhà, phá hư hỏng 21 công trình thủy lợi, cây ửi 13.700 ha ruộng lúa và vườn cây ăn quả, cướp đi nhiều tài sản của nhân dân. Điển hình là các vụ tàn sát cùng một lúc hàng trăm đồng bào vùng Tý, Sé (Quế Sơn), Lộc Hòa, Lộc Phước (Đại Lộc), Bình Dương, Bình Phú (Thăng Bình). Man rợ nhất là vào ngày 12 - 11 - 1969, chúng bao vây chợ Bàu Bính, xã Bình Dương (Thăng Bình) rồi xả súng bắn vào chợ, giết hại 210 người, trong đó phần lớn là phụ nữ và trẻ em. Sau đó chúng lừa 75 người khác ra một trảng cát gần đó rồi xả súng bắn. Ở Cẩm Dương (Hội An), chúng treo một cụ già lên cây khế làm mục tiêu để tập bắn, đốt cháy một cụ bà rồi cho chạy làm mục tiêu di động ngắm bắn. Ở Xuyên Phước (Duy Xuyên), chúng bắt một lúc 50 người, phần lớn là phụ nữ lột hết quần áo, hãm hiếp rồi dùng báng súng đập nát sọ từng người.

Đi đôi với các hoạt động càn quét, hủy diệt làng xóm, địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý. Chúng sử dụng những phần tử phản bội đầu hàng để đánh phá cơ sở, dùng thủ đoạn “*bôi đen*” quần chúng để gây nghi ngờ, chia rẽ các tầng lớp Nhân dân. Ngoài ra, chúng còn dùng các thủ đoạn kinh tế để mua chuộc, lừa bịp Nhân dân như thực hiện chương trình “*người cày có*

ruộng”, cứu trợ bão lụt, cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, các máy móc nông nghiệp nhỏ, cấp tiền cho dân làm nhà... Ở miền núi, chúng dùng máy bay thả một số hàng hóa tiêu dùng xuống để dụ dỗ đồng bào các dân tộc thiểu số...

Mặc dù bị địch kìm kẹp, đời sống gặp rất nhiều khó khăn, song vẫn có trên 3.000 đồng bào trong tỉnh tham gia cùng với bộ đội vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược từ tuyến đường chiến lược Trường Sơn về các vùng giáp ranh. Từ đó, hàng ngàn đồng bào các huyện, thị lại vượt qua bom đạn và sự kiểm soát của địch, tiếp tục vận chuyển lương thực, vũ khí đến các đô thị và vùng ven, kịp thời cung cấp cho bộ đội đánh địch.

Đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư chúc tết đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước. Người chỉ ra phương hướng chiến lược để giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta là: “...*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”, và khẳng định: “*Chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại, quân và dân ta trong cả nước thừa thắng xông lên, nhất định sẽ giành thắng lợi hoàn toàn*”. Nghe theo lời Bác, Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà quyết vượt qua bom đạn, đập bằng mọi khó khăn gian khổ, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho đợt tiến công Xuân Kỷ Dậu.

Đêm 22 rạng ngày 23 - 2 - 1969, chiến dịch Xuân Kỷ Dậu bắt đầu nổ ra ở chiến trường Quảng Nam, Quảng Đà. Sau hơn 1 tháng chiến đấu, ta đã tiêu diệt và làm bị thương hàng ngàn tên địch, phá hủy 346 máy bay, 147 xe quân sự, 64 khẩu pháo, đốt cháy gần 10 vạn tấn xăng dầu, góp phần duy trì thế tiến công của ta trên chiến trường. Trong đợt tiến công này, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh theo lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tham gia rất tích cực trong việc



**Ông NGUYỄN THÀNH**  
*Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải  
phóng miền Nam Việt Nam  
tỉnh Quảng Nam (3/1969 - đầu  
1970), (3/1975 - 10/1975)*

vận chuyển vũ khí, cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ chiến trường.

Tuy nhiên, sau đợt tấn công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968, tết Kỷ Dậu 1969, lực lượng ta bị tiêu hao lớn, quân số và trang bị chưa kịp bổ sung. Quân địch tuy bị thiệt hại nặng nhưng tiềm lực chiến tranh còn rất lớn. Mỹ chưa rút quân, quân nguy lại được tăng cường hơn so với năm 1968, chúng vừa tăng cường phòng thủ đô thị, vừa ra sức chốt giữ các trục giao thông chiến lược quan trọng, phản công quyết liệt ở vùng nông thôn đồng bằng và miền

núi. Nhiều vùng đồng bằng, nhất là những vùng xung quanh các căn cứ và đô thị trở nên trắng dân, trắng đất, làm cho thế trận chiến tranh nhân dân trở nên hết sức khó khăn. Tư tưởng của quần chúng, nhất là ở những vùng ác liệt bắt đầu có diễn biến phức tạp.

Cùng thời gian này, lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam có sự thay đổi. Ông Nguyễn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách Dân vận - Mặt trận - Đấu tranh chính trị - Binh vận, trực tiếp làm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh từ tháng 3 - 1969 đến đầu năm 1970. Sau đó, ông

Nguyễn Thành được Ban Thường vụ Khu ủy 5 và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa ra miền Bắc để chữa bệnh, đến cuối năm 1971, ông Nguyễn Thành trở lại chiến trường miền Nam. Trong thời gian đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công ông Võ Thiếp - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm nhận công việc thay cho ông Nguyễn Thành. Ông Ngô Thanh Dũng và bà Hồ Thị Kim Thanh (mật danh Thu Hà) - Chủ tịch Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh từ đầu năm 1970 được cơ cấu làm Phó Chủ tịch, ông Trần Hải làm Ủy viên Thư ký Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh.

Phối hợp với cuộc tiến công quân sự, Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà đã phá ban hàng chục trại tập trung và khu đồn, đưa 5.000 dân trở về làng cũ làm ăn. Phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của Nhân dân ở các thị trấn, thị xã diễn ra sôi nổi, làm rối loạn hậu phương của địch, buộc phải bị động đối phó khắp nơi. Nổi bật là nhân Đại lễ Phật đản (1969), hàng ngàn đồng bào Phật tử Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ..., xuống đường đấu tranh chống Mỹ - Thiệu đàn áp Phật giáo, đòi Mỹ phải rút hết về nước, văn hồi hòa bình ở Việt Nam.

Tuy nhiên, từ giữa tháng 8 - 1969, Mỹ - ngụy tăng quân, đánh sâu vào các vùng căn cứ của ta. Đến cuối năm 1969, chúng lập trên 200 khu dồn dân, áp chiến lược cùng một hệ thống dày đặc các chốt điểm để phòng thủ và kìm kẹp Nhân dân. Riêng Đặc khu Quảng Đà có 355 chốt điểm. Trên cơ sở đó, địch đẩy mạnh và mở rộng chương trình “*bình định*” nông thôn, phong trào cách mạng trong tỉnh đứng trước những thử thách nghiêm trọng, đây là thời kỳ ta bị mất đất, mất dân nhiều nhất kể từ khi Mỹ vào miền Nam. Vùng B Đại Lộc từ 9.000 dân, đến cuối năm 1969 chỉ còn 2.000 dân. Xã Điện Hồng (Điện Bàn), một xã kiên cường trụ bám qua mấy năm địch đánh phá ác liệt,

đến thời điểm này cũng bị địch xúc tát 1.200 dân vào khu tập trung; 5 xã vùng cát và 6 xã vùng Gò Nổi (Điện Bàn), không còn bóng dáng một người dân hợp pháp. Đặc biệt là các hành động tàn sát dân thường dã man của bọn lính Nam Triều Tiên đã làm cho dân số bị sụt giảm đáng kể. Vùng giải phóng Quảng Đà đầu năm 1969 là 102.500 người thì đến cuối năm chỉ còn khoảng 40.000 người. Một bộ phận Nhân dân vùng giải phóng chưa bị xúc tát cũng phải lánh vào các đô thị hoặc vùng xa để tránh bom đạn. Vùng ven đô thị hầu như trắng đất, trắng dân. Xã nào còn duy trì được phong trào cũng chỉ còn một ít quần chúng trung kiên, một tổ hoặc một vài du kích mật. Toàn tỉnh có 441 thôn thì có đến 353 thôn bị địch cày ủi, đất đai đầy bom đạn; hai phần ba ruộng đất canh tác ở đồng bằng bị bỏ hoang. Trong khi đó, tại các khu căn cứ và vùng ta kiểm soát, đời sống của Nhân dân hết sức gian khổ, thiếu thốn.

Giữa lúc cuộc kháng chiến đang ở thời kỳ ác liệt, thì đầu tháng 9 - 1969, Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn của Đảng ta, dân tộc ta. Trên khắp các địa bàn của tỉnh, từ vùng giải phóng đến vùng địch kiểm soát, không ai bảo ai, mỗi người đều tự tìm cách để tang Bác một cách thích hợp. Nhiều gia đình ở vùng địch kiểm soát không sợ hiểm nguy, lập bàn thờ để tưởng niệm Bác, đón nghe các buổi phát thanh về Bác trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Giải Phóng.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể giải phóng mở đợt sinh hoạt chính trị “*Học tập và làm theo Di chúc của Bác*” nhằm xây dựng quyết tâm, khắc phục

khó khăn, đập bằng mọi trở lực chông gai để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đợt sinh hoạt cũng nhằm khắc phục kịp thời tư tưởng bi quan, dao động, ngại khó khăn, gian khổ, ngại bám trụ chiến trường; đồng thời phân tích để cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức được tình hình mới, thấy rõ âm mưu và thủ đoạn thâm độc của đế quốc Mỹ trong chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII diễn ra từ ngày 16 đến ngày 30 - 11 - 1969, đã xác định nhiệm vụ: “*Động viên nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong tỉnh ra sức chống “bình định” của Mỹ - nguy, giữ dân và ra sức diệt kẹp giành dân, mở rộng và xây dựng vùng giải phóng*”.

Địch thực hiện “4 tách” (tách dân khỏi đất, tách du kích khỏi dân, tách thành thị khỏi nông thôn, tách cấp trên với cấp dưới), ta chủ trương xây dựng lực lượng “*hiều tầng, nhiều tuyến, ngăn cách, bí mật, chủ động*” để đối phó với địch; xây dựng cơ sở bằng móc nối “9 ruột” gồm cha, mẹ, vợ, con, anh, chị, em, chú, bác ruột của mình bị địch xúc vào các khu dồn về lại vùng giải phóng, vùng tranh chấp để trụ bám làm ăn, tham gia cách mạng. Đối với khu vực thành phố, thị xã, thị trấn, Tỉnh ủy Quảng Nam xác định hướng trọng tâm vào việc tăng cường cán bộ cho các địa phương, tìm mọi cách móc nối lại với các cơ sở cũ, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và binh vận trong đô thị, từng bước đưa chiến tranh du kích vào tận hậu phương và sào huyệt của địch.

Có thể nói, trong những tháng cuối năm 1969, cuộc đấu tranh giành dân, giữ dân giữa ta và địch diễn ra hết sức quyết liệt. Bởi lẽ, Nhân dân là điều kiện sống còn của cán bộ và phong

trào cách mạng. “*Dân là vàng, mỗi người dân là một viên ngọc, có dân, có tất cả; mất dân, mất tất cả*” là phương châm thuộc lòng của tất cả cán bộ, chiến sĩ. Vì thế, các cán bộ hoạt động bí mật, du kích đã sống hàng tháng dưới hầm bí mật, vùi mình trong cát, ngậm mình dưới nước nhiều ngày liền để bám sát địa bàn, vận động từng người dân, tổ chức đưa từng gia đình về lại làng cũ.

Thực hiện phương châm đánh địch bằng 3 mũi giáp công trên cả 3 vùng chiến lược, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể giải phóng ở Quảng Nam và Quảng Đà đẩy mạnh vận động quần chúng đấu tranh chính trị ở cả nông thôn và thành thị, góp phần cùng với đấu tranh quân sự làm thất bại âm mưu “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ - ngụy. Trong các đô thị, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ diễn ra khá sôi nổi, làm cho ngụy quyền thêm lúng túng, bị động. Học sinh, sinh viên các trường học bãi khóa, chống lệnh tổng động viên, quân sự hóa học đường. Ngày 1 - 5 - 1969, nghiệp đoàn công nhân khuân vác và vận tải Đà Nẵng tổ chức cuộc đình công lớn, huy động gần 1.000 công nhân lao động tham gia đấu tranh đòi tăng lương, trợ cấp thất nghiệp, không chờ các phương tiện chiến tranh. Công nhân làm việc trong các công sở Mỹ đấu tranh đòi hưởng lương tháng thứ 13 trong năm. Ngư dân Sông Đà đấu tranh đòi mở rộng khu vực đánh cá và đi biển sớm hơn giờ quy định.

Nhân dịp lễ Phật đản năm 1969, hàng ngàn đạo hữu và Phật tử ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ xuống đường đấu tranh chống Mỹ - Thiệu đàn áp Phật giáo, đòi Mỹ phải rút về nước, văn hòa bình cho Việt Nam. Sang năm 1970, phong trào đấu tranh của Phật tử nổ ra rất rầm rộ, giương cao các khẩu hiệu

dân sinh, dân chủ, dân tộc và hòa bình, chống chiến tranh xâm lược và ủng hộ giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris. Ngày 8 - 5 - 1970, hơn 1.000 đồng bào theo đạo Phật ở Đà Nẵng, tập trung tại chùa Tỉnh Hội, lên án chính quyền Mỹ - Thiệu đồng lõa với bọn phản động Lonnon giết hại kiều bào ta ở Campuchia. Ngày 15 - 5, hơn 35.000 công nhân theo đạo Phật xuống đường biểu tình phản đối chính sách hà khắc và tàn bạo của chính quyền Thiệu - Kỳ đối với đồng bào miền Nam nói chung. Thanh niên, học sinh đi vào các xóm lao động phân phát những tờ báo tiến bộ, tổ chức những đêm văn nghệ lành mạnh, chống văn hóa đồi trụy, lên án lối sống thực dụng, vô cảm với đồng loại. Nhiều thương phế binh và gia đình lính ngụy đấu tranh đòi giải quyết nhà ở, cải thiện đời sống làm rối loạn hậu phương của địch.

Cùng với việc chỉ đạo củng cố lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy Quảng Nam luôn chủ trương ra sức xây dựng lực lượng chính trị, cử những cấp ủy viên có uy tín trực tiếp lãnh đạo các đoàn thể. Nhờ đó, trong năm 1970, các phong trào “bốn bám”, “ba sẵn sàng”, “bốn đảm đang”, “năm xung phong” phát triển mạnh mẽ, thu hút hàng ngàn nông dân, thanh niên, phụ nữ tham gia.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam (11 - 11 - 1969): *“Toàn thể anh em công nhân lao động ở các thành thị, thị xã, thị trấn, các đồn điền hãy tăng cường đoàn kết thành một khối chặt chẽ, đề cao tinh thần cảnh giác với mọi âm mưu xảo quyệt của địch, đẩy mạnh đấu tranh đòi quyền Thiệu - Kỳ - Khiêm phải hủy bỏ biện pháp tăng thuế, kiên quyết đòi các quyền lợi cấp bách về đời sống như: tăng lương, tăng phụ cấp, chống sa thải, đòi hạ giá cả sinh hoạt..., từng bước đẩy lùi chính sách vơ vét, bóc*



*lột sức người, sức của của Mỹ - nguy, tiến lên kiên quyết đánh đổ chúng*". Lời kêu gọi cũng chỉ rõ: “*Hãy phối hợp chặt chẽ với phong trào của các tầng lớp Nhân dân khác ở thành thị, làm nòng cốt và đi đầu trong mặt trận đấu tranh chung đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ kết hợp đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình, đòi quân Mỹ rút hết về nước, đòi lật đổ Thiệu - Kỳ - Khiêm, đòi lập Chính phủ liên hiệp lâm thời*”<sup>1</sup>. Giai cấp công nhân miền Nam liên tục vùng lên đấu tranh quyết liệt đòi quyền sống của mình, để trực tiếp chống lại âm mưu thâm độc của Mỹ - nguy hòng mua chuộc, áp bức và bản cùng hóa công nhân và đặc biệt để chống lại tổ chức Tổng Liên đoàn lao công của chúng. Phần lớn các cuộc đấu tranh của công nhân đã liên kết chặt chẽ được nhiều ngành, nhiều địa phương và phối hợp với phong trào của các tầng lớp Nhân dân khác, hình thành nên một mặt trận liên hiệp đấu tranh chung ở thành thị với các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, đòi độc lập dân tộc. Đỉnh cao của cuộc đấu tranh này là cuộc tổng bãi công ngày 7 - 1 - 1970 của hơn 7 vạn công nhân thuộc 118 nghiệp đoàn ở Sài Gòn. Ủng hộ cuộc tổng bãi công này, hàng vạn công nhân ở các thành phố, thị xã như: Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và khắp cả miền Nam đã liên tục tổ chức mít tinh, biểu tình, hội họp, kịch liệt phản đối chế độ Mỹ - Thiệu và ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn.

Ở các vùng nông thôn đồng bằng, trong năm 1970, quần chúng nổi dậy phá banh 25 khu đồn, đưa hơn 1.000 dân trở về quê cũ. Một số đồn bốt của địch trên các điểm cao và dọc các trục giao thông bị bao vây, cô lập phải dỡ bỏ. Trong Xuân Hè 1970, tại khu II Hòa Vang, vùng đông Duy Xuyên, Thăng Bình,

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, trang 629.



**Ông VŨ THIẾP**  
*Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải  
phóng miền Nam Việt Nam  
tỉnh Quảng Nam  
(đầu năm 1970 - 4 - 1972)*

động Nhân dân đấu tranh đòi quyền sống, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Tại Tam Kỳ, tháng 7 - 1970, dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của đại diện Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ, những hội viên còn lại của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín đã phát hành tập san “*Vỡ mặt nhìn nhau*”, bí mật phổ biến đến hầu hết các trường học trong tỉnh. Địch phát hiện và cho mật vụ tìm bắt Nguyễn Minh Thọ<sup>1</sup> - người đứng đầu tập san, nhưng ông đã nhanh chóng trốn thoát vào Sài Gòn.

Gò Nổi (Điện Bàn)..., diễn ra nhiều cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với binh vận làm thất bại âm mưu càn quét “*bình định*” của địch. Ở Kỳ Khương (Nam Tam Kỳ), mẹ Trà Thị Tép cùng chị em phụ nữ nằm ngăn 25 xe tăng địch cày ủi hoa màu, bảo vệ 5 hầm bí mật đang giấu bộ đội chưa kịp rút về căn cứ.

Từ 11 - 3 đến 17 - 5 - 1970, phong trào học sinh, sinh viên chống chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ diễn ra sôi nổi tại các đô thị miền Nam. Các đội xung kích của thanh niên, học sinh tỏa về các xóm lao động, các chợ, xí nghiệp vận

1. Hiện là GS.TS. Hóa học, Đại học Leuven (Bi), Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học New York (Mỹ).

Tháng 12 - 1970, Trần Đình Hộ tiếp tục phát hành tập san “*Nói vòng tay lớn*”, thay cho tập san “*Vỡ mặt nhìn nhau*”, nhằm tuyên truyền và khơi dậy tinh thần yêu nước trong học sinh, sinh viên Quảng Nam. Đặc biệt, nhờ sự hoạt động tích cực của các hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ, trong thời gian này trên địa bàn tỉnh đã thành lập được Ban chấp hành lâm thời Liên đoàn học sinh Quảng Tín, do ông Nguyễn Văn Long làm Chủ tịch, ông Trần Đình Hộ làm Tổng thư ký.

Với những bước phát triển mới, phong trào đô thị đã trở thành mũi nhọn tấn công vào dinh lũy của địch, làm mất ổn định ngay tại các sào huyệt của chúng; góp phần tạo thế và lực, cùng với phong trào đấu tranh ở nông thôn đồng bằng đã làm nói lỏng ách kìm kẹp của địch, làm tan rã một bộ phận phòng vệ dân sự, kịp thời ngăn chặn và làm phá sản nhiều âm mưu, thủ đoạn bình định của Mỹ - ngụy.

## **2. Đoàn kết toàn dân, khôi phục thế và lực, góp phần thực hiện thắng lợi cuộc tiến công chiến lược 1972**

Bước sang năm 1971, ưu thế tạm thời của Mỹ - ngụy về so sánh lực lượng không còn nữa. Một mặt, sau những đợt rút quân nhỏ giọt, đến cuối năm 1970, những đơn vị lớn của Mỹ bắt đầu rời khỏi chiến trường. Tổng số quân của địch ở đồng bằng Khu 5 giảm 37.800 tên (từ 389.800 tên còn 352.000 tên)<sup>1</sup>. Quân số giảm, phương tiện chiến tranh, hậu cần cũng giảm theo làm cho lòng tin của quân ngụy vào quan thầy Mỹ bắt đầu rạn nứt. Cảnh đó, Mỹ - ngụy còn mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, làm cho lực lượng của chúng càng thêm suy yếu.

1. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Khu V: *30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 3, 1989, trang 41.

Quân địch sau khi thất bại nặng nề ở Đường 9 - Nam Lào (12 - 2 đến 23 - 3 - 1971) đã tháo chạy tán loạn về Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, đào ngũ hàng loạt, gieo tâm lý hoang mang trong các lực lượng nguy quân, nguy quyền.

Trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà, bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, địch liên tiếp mở những cuộc hành quân càn quét lên vùng giáp ranh, củng cố các trục giao thông quan trọng, tăng cường phục kích các tuyến hành lang của ta, bao vây kinh tế, ngăn chặn ta tấn công vào các khu vực đô thị. Về phía ta, tuy công tác vận động thanh niên thoát ly tham gia cách mạng còn một số khó khăn, nhưng đến đầu năm 1971, lực lượng bộ đội, du kích cũng đã được bổ sung quân số, trong đó có hàng trăm du kích hoạt động bí mật trong lòng địch, còn lại là du kích xã, thôn; các xưởng quân giới của ta cũng đã có nhiều cố gắng trong việc sản xuất, cải tiến các loại vũ khí để cung cấp cho các đơn vị, đáp ứng yêu cầu tại chỗ. Trong 3 tháng đầu của năm 1971, với quyết tâm cao độ nhằm khôi phục lại thể và lực trên chiến trường, các lực lượng vũ trang Quảng Nam, Quảng Đà đã vận dụng nhiều hình thức tác chiến linh hoạt, sáng tạo, trụ bám vững chắc địa bàn, quần lộn chiến đấu liên tục, đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy nhiều quân trang, quân dụng của địch, góp phần quan trọng làm đảo lộn tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, tạo đà cho phong trào du kích chiến tranh phát triển đều khắp ở các vùng.

Đặc điểm của thế trận chiến tranh trong giai đoạn này là đã hình thành khá rõ nét 3 vùng, đó là vùng địch kiểm soát, vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta. Vùng địch kiểm soát bao gồm các thành phố, thị xã, thị trấn do địch kiểm soát

từ trước và thêm nhiều vùng bị địch chiếm lại trong giai đoạn đầu của ‘Việt Nam hóa chiến tranh’. Lực lượng vũ trang và hệ thống kim kẹp của địch trên khu vực này có số lượng đông và mạnh. Đây là nơi địch vơ vét nhân, vật lực phục vụ cho chiến tranh, nhất là khu vực nội ô Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ có vị trí quan trọng, nơi có lực lượng cơ động và các cơ quan đầu não của địch chiếm đóng để từ đó tung quân ra đánh phá phong trào cách mạng của ta ở nông thôn. Ở đây ta hoạt động ban đêm dưới các hình thức hợp pháp và bất hợp pháp, bố trí cán bộ hợp pháp từ ngoài vào móc nối với các cơ sở bên trong hoặc đưa ra vùng giải phóng bồi dưỡng chính trị, phổ biến chủ trương rồi đưa họ về nơi cũ hoạt động hợp pháp. Trong vùng địch kiểm soát, chúng đẩy mạnh các hoạt động bắt lính, đôn quân, tăng cường quân nguy và các hoạt động do thám, gián điệp, chuẩn bị thực hiện kế hoạch hậu chiến lâu dài sau khi quân Mỹ rút về nước. Thủ đoạn chiến tranh gián điệp và kế hoạch hậu chiến của địch ở giai đoạn này rất thâm độc. Thông qua bọn cảnh sát và mật vụ, chúng lập hồ sơ phân loại các đối tượng chính trị có quan hệ với cách mạng, với người đi tập kết hoặc thoát ly hoạt động để sẵn sàng đối phó khi tình hình xảy ra. Mặt khác, chúng tìm mọi cách khống chế, mua chuộc, phát triển tràn lan mạng lưới điệp báo, cảnh sát mật trong Nhân dân, nhằm mục đích gây cho ta khó khăn trong xây dựng cơ sở và nắm dân. Ngoài các thủ đoạn trên chúng còn phát triển rộng rãi các tổ chức chính trị - xã hội, các tôn giáo và đảng phái phản động để bao vây, khống chế quần chúng trong vòng vây chính trị, để làm chỗ dựa chống lại ta.

Vùng tranh chấp bao gồm nhiều khu vực nông thôn đồng bằng và trung du nằm xen kẽ giữa vùng ta với vùng địch. Đây là một vùng mới mở ra sau kế hoạch bình định lần chiếm của địch

trong chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”. Thế trận giữa ta với địch trong vùng này giằng co quyết liệt. Nhiều nơi địch làm chủ ban ngày, ta làm chủ ban đêm; có nơi địch làm chủ buổi sáng, ta làm chủ buổi chiều và tối. Thực lực của ta ở vùng này có cơ sở, du kích mật, căn cứ lồm và chính quyền 2 mặt. Nhân dân trong vùng tranh chấp thường xuyên đấu tranh với địch giữ thế hợp pháp, ổn định sản xuất, tìm mọi cách mở rộng giao lưu hàng hóa bình thường giữa vùng ta với vùng địch. Ta mở nhiều trạm thu mua lương thực bí mật trong dân để lấy lương thực từ vùng địch chuyển về cung cấp cho hậu cứ. Khi có chiến sự ác liệt nhân dân tạm thời lánh vào vùng địch kiểm soát, hết chiến sự thì nhân dân lại quay về làm ăn bình thường, tham gia cách mạng. Hoạt động của ta ở khu vực này thực hiện cả 2 hình thức hợp pháp và bất hợp pháp. Du kích và các đội công tác trụ bám trong dân, phát động quần chúng xây dựng cơ sở, diệt ác ôn, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược và đưa dân về nơi cũ làm ăn. Phối hợp với lực lượng bên ngoài, còn có lực lượng hợp pháp bên trong, cơ sở đấu tranh chính trị, binh vận, du kích mật diệt ác ôn, xây dựng hầm bí mật để đưa các đơn vị cách mạng vào trong trụ bám diệt địch.

Vùng giải phóng của ta bao gồm phần lớn địa bàn thuộc các huyện miền núi. Ưu thế tuyệt đối của vùng này là có địa thế núi rừng hiểm trở. Ta sử dụng khu vực miền núi làm hậu cứ đứng chân của các cơ quan, các đơn vị vũ trang và đội công tác của tỉnh, huyện, thành phố và thị xã. Những hoạt động của địch đối với các khu vực này chủ yếu là hoạt động phi pháo, biệt kích, gián điệp, uy hiếp hành làng và nơi đóng quân của các đơn vị. Từ khi Mỹ - ngụy tiến hành chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, ta chủ trương củng cố hậu cứ này thành một vùng an toàn của các lực lượng cách mạng. Đồng thời dựa vào

đó, ta chặn địch đánh sâu vào vùng ta, xây dựng hành lang, bàn đạp đưa các hoạt động của ta ra tấn công địch ở phía trước. Tại đây, trong 2 năm (1971 - 1972), ta đã phát động phong trào sản xuất tự túc lương thực, khôi phục sản xuất, san lấp một số cánh đồng bị xe tăng và bom đạn địch cày xới trước đây. Nhờ vậy, ta đã từng bước khắc phục được một phần khó khăn, giải quyết ổn định đời sống Nhân dân và các cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, lãnh đạo Tỉnh ủy, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể thường xuyên chăm lo công tác y tế, xây dựng trạm xá để điều trị bệnh và thương tật cho cán bộ, bộ đội và Nhân dân; duy trì phong trào học bổ túc văn hóa để bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ.

Bám sát thực tiễn chiến trường và tranh thủ thời cơ thuận lợi, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà chủ trương mở chiến dịch Xuân Hè 1971 để chủ động tiến công tiêu diệt địch, nói lỏng kìm, tạo thế cho Nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kìm, khôi phục dần thế chủ động chiến trường. Đêm 1 - 2 - 1971, các lực lượng vũ trang 3 thứ quân của ta đồng loạt tiến công hơn 60 mục tiêu của địch, trong đó có gần 20 chốt điểm nhỏ kẹp dân ở xung quanh các khu đồn bị tiêu diệt. Biệt động Đà Nẵng tiến công tiêu diệt 2 chốt cảnh sát, 1 kho đạn, 1 câu lạc bộ sĩ quan, đốt cháy nhiều xe quân sự. Đêm 27 - 3 - 1971, lực lượng vũ trang Quân khu 5 tập kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn quân Mỹ tại xã Đốc (Trà Đốc, Bắc Trà My hiện nay). Đêm 29 - 3 - 1971, bộ đội Mặt trận 4 phối hợp với bộ đội địa phương các huyện Đại Lộc, Duy Xuyên đánh vào chi khu quận lỵ Đức Dục và khu căn cứ An Hòa, giải phóng hàng vạn dân. Được chiến thắng Đức Dục- An Hòa cổ vũ, bộ đội địa phương huyện Duy Xuyên tiến công nhiều mục tiêu ở Châu Long, Gò Chùa, Phú



Đa, Đồng Tràm gây cho địch nhiều thiệt hại. Đồng bào ở các khu tập trung Cẩm Lý, Gò Dê (Điện Bàn), Kiềm Lâm (Duy Xuyên)..., tìm cách bung về làng cũ làm ăn. Đêm 26 - 4 - 1971, quân ta tấn công chi khu quận lỵ Đại Lộc, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng hơn 500 dân. Kết thúc chiến dịch Xuân Hè 1971, quân và dân Quảng Đà phá banh 25 khu đồn, hơn 3.000 người được về lại vùng giải phóng, mở ra 35 thôn giành quyền làm chủ tại chỗ.

Ở Quảng Nam, đêm 25 - 5 - 1971, quân ta tập kích tiêu diệt chốt điểm cầu Chợ Đụn, phá rã khu đồn An Xuân và gò Đồng Mặt (Quế Sơn), đưa hơn 100 gia đình quanh quận lỵ về vùng làm chủ. Cùng thời gian này, quân ta đánh địch ở các vùng trọng điểm tây bắc Tam Kỳ, tây Thăng Bình, giải phóng khu vực Quán Rường (Bắc Tam Kỳ), Minh Huy (Thăng Bình), mở hành lang bàn đạp để lấn xuống phía đông. Các cửa khẩu Phú Diên, Phú Thọ (Quế Sơn), Bình Định (Thăng Bình) lần lượt được mở lại. Tại Tiên Phước, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng nổi dậy làm chủ khu đồn Tài Đa (Phước Tân)...

Phối hợp với đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị và binh vận của Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà trong thời kỳ này cũng giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa. Từ tháng 3 - 1971, ngày nào cũng có hàng trăm người kéo đến trụ sở ngục quyền các cấp và bệnh viện Duy Tân (Đà Nẵng) đòi chồng con và phản đối việc đưa người thân của họ sang chết bỏ xác ở Nam Lào. Nhiều đoàn người kéo nhau ra tận Huế, Đông Hà tìm chồng con, gây ra cảnh rối loạn trong thành phố. Ngày 28 - 4, gần 1.000 người tập trung ở ngã ba Cai Lang (Đà Nẵng) tổ chức mít tinh phản đối chiến tranh, tố cáo tội ác của Mỹ - ngụy.



Ngày 1 - 5 - 1971, nhân ngày Quốc tế lao động, gần 1.000 đại diện công nhân kéo đến trụ sở nghiệp đoàn Đà Nẵng đấu tranh chống 7 biện pháp kinh tế của chính quyền Sài Gòn, đòi hủy bỏ sắc thuế hành nghề kinh doanh dịch vụ đánh vào công nhân lao động. Phong trào đấu tranh của công nhân đã thu hút nhiều lực lượng tham gia, kể cả giới trí thức, tư sản dân tộc, hình thành các tổ chức xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam như “*Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình*”, “*Phong trào phụ nữ đòi quyền sống*”, “*Ủy ban đấu tranh cải thiện chế độ lao tù*”. Phong trào phụ nữ đòi quyền sống mở các diễn đàn tập hợp lực lượng đấu tranh cho hòa bình và yêu cầu tổng thống Mỹ phải định rõ thời gian rút quân. Ủy ban đấu tranh cải thiện chế độ lao tù tố cáo chế độ hà khắc của các nhà lao ở Hội An, Đà Nẵng; cử các đoàn đến thăm hỏi tù nhân...

Đặc biệt, hưởng ứng nội dung bức thư của Pháp sư Thích Trí Độ, Hội trưởng Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam và Hòa thượng Thích Đôn Hậu, nguyên Chánh đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất miền Vạn Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam gửi các nhà tu hành và Phật tử Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 2514 ngày Đức Phật thành đạo: “*Đức Thế Tôn ngày xưa muốn đem hòa bình an lạc cho nhân loại, nhưng Người cũng đã dạy hàng môn đệ rằng: Kẻ cướp và rắn độc còn trong nhà thì ta không thể ngủ ngon được. Tuân lời giáo huấn của Ngài, Phật tử chúng ta Nam - Bắc một lòng, quyết kẻ vai, sát cánh bên nhau, đoàn kết cùng toàn dân đánh cho Mỹ cút, nguy nano để cứu nước, cứu đạo, làm Tổ quốc sớm được thường trụ, an lạc*”<sup>1</sup>. Nhân lễ Phật đản năm

1. Báo Nhân Dân, ngày 5 - 1 - 1971.

1971, Ủy ban vận động hòa bình của Phật giáo tại Đà Nẵng đã huy động hàng vạn đạo hữu, Phật tử, tăng ni Quảng Nam, Quảng Đà tổ chức cầu nguyện hòa bình, vạch trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của giặc Mỹ xâm lược, ca ngợi tinh thần đấu tranh kiên cường của đồng bào các giới Phật giáo, trí thức, thanh niên, học sinh, lao động, báo chí kể cả dân biểu, nghệ sĩ; đồng thời kêu gọi toàn thể Phật tử phải đề cao cảnh giác trước âm mưu của Mỹ và tay sai tạo nên những cuộc vận động hòa bình giả dối, hòa bình trong đầu hàng nô lệ giặc Mỹ và phục tùng tay sai bán nước, để đánh lạc hướng đồng bào đòi hòa bình với bất cứ giá nào và thấm nhuần lời dạy của Hòa thượng Thích Đôn Hậu: *“Hễ giặc Mỹ còn chiếm đóng, Thiệu - Kỳ - Khiêm còn tồn tại và gây tội ác với đồng bào, nhất quyết Phật tử phải đoàn kết với mọi tầng lớp, đẩy mạnh tranh đấu, bằng mọi hình thức và phương tiện thích nghi, cho đến thắng lợi hoàn toàn”*<sup>1</sup>. Cạnh đó, các báo phát hành ở Đà Nẵng cũng đăng tải nhiều bài viết đả kích Níchxon, vạch trần sự phản dân, hại nước và tham nhũng của Thiệu - Kỳ.

Ngày 19 - 4 - 1971, nhân sự kiện em Nguyễn Hữu Hồng - học sinh lớp 9/1 trường Trung học Trần Cao Vân (Tam Kỳ) bị địch bắn chết tại ngã ba Trường Xuân, Ban chấp hành lâm thời Liên đoàn học sinh Quảng Tín đã phát động bãi khóa, kêu gọi hơn 1.000 học sinh các trường trong tỉnh tham gia biểu tình, phản đối hành động giết người dã man của địch. Tiếp theo, tháng 5 - 1971, cơn bão Hertes tàn phá Quảng Nam, học sinh Tam Kỳ kết hợp với phong trào đô thị, nhất là Đà Nẵng, dưới sự lãnh đạo của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ, tổ chức lạc quyên, cứu trợ đồng bào, qua đó

1. Báo Nhân Dân, ngày 5 - 1 - 1971.

tập hợp lực lượng đấu tranh. Tại Đà Nẵng, ngay từ cuối năm 1969, đầu năm 1970 đã bùng nổ phong trào phản đối Lonol - Sirik Matak thực hiện âm mưu của đế quốc Mỹ tàn sát kiều bào ta tại Campuchia, thời gian này toàn bộ học sinh các trường ở Đà Nẵng xuống đường, bãi khóa, kết hợp với các phong trào quần chúng khác: công nhân đình công, tiểu thương bãi thị..., làm cho sức mạnh của phong trào học sinh, sinh viên được nhân lên gấp nhiều lần. Đây chính là cuộc tổng diễn tập đầu tiên có tính “phục hưng” của phong trào kể từ sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, chứng minh tinh thần trời dậy và thế đứng mới của tuổi trẻ các đô thị miền Nam, mà Đà Nẵng là một trong những trung tâm điểm của cả miền Nam, là tiền đề cho việc tập hợp lực lượng và sự ra đời của Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng. Tiếp theo, ngày 2 - 6 - 1971, nhân vụ xe Mỹ cán chết học sinh Phạm Văn Cường của trường Bồ Đề, hàng ngàn học sinh các trường Bồ Đề, Quảng Đức, Phan Châu Trinh, Phan Thanh Giản xuống đường đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng. Tự vệ mật trong lực lượng thanh niên, học sinh dùng bom xăng đốt cháy nhiều xe Mỹ ngay trên đường phố.

Ngày 17 - 7 - 1971, tại Tịnh xá Ngọc Cơ (đường Hoàng Diệu, Đà Nẵng), 37 học sinh đại diện cho hơn một vạn học sinh của tất cả các trường Trung học Phan Châu Trinh, Nữ trung học Hồng Đức, Bồ Đề, Bán công Nguyễn Công Trứ, Phan Thanh Giản, Sao Mai, Quảng Đức..., họp thông qua Chương trình hành động và bầu Ban chấp hành lâm thời Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng, do Đặng Thanh Tịnh làm Chủ tịch, Lương Thanh Liêm làm Tổng thư ký<sup>1</sup>.

1. 40 năm Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng (1971 - 2011), *Chúng tôi có một thời như thế*, Nxb. Đà Nẵng, 2011, trang 10.

Ngay sau khi thành lập, Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng đã ra Tuyên cáo gửi đến đồng bào và tuổi trẻ học đường Đà Nẵng, khẳng định mục tiêu đấu tranh và báo hiệu thời cơ hành động mới của phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên yêu nước chống Mỹ và tay sai, đòi hòa bình, thống nhất đất nước, bảo vệ văn hóa dân tộc và quyền lợi tuổi trẻ học đường. Ngày 24 - 8 - 1971, hàng ngàn học sinh và đồng bào các giới ở Đà Nẵng xuống đường tuần hành với khẩu hiệu “*Đả đảo đế quốc Mỹ*”, “*Đả đảo Nguyễn Văn Thiệu*”. Học sinh tổ chức những chiến dịch “*Nói cho đồng bào tôi nghe*” những thủ đoạn lừa bịp của bè lũ Mỹ - ngụy, “*Hát cho đồng bào tôi nghe*” và “*Nghe đồng bào tôi nói*” những tội ác của chúng đối với đồng bào. Họ coi đó như “*nước về nguồn*”, “*cây xanh cắm rễ vào lòng đất địch*”, hun đúc thêm lòng căm thù và ý chí đấu tranh, đuổi cho kỳ hết bọn xâm lược Mỹ ra khỏi miền Nam ta. Chùa Tỉnh hội Phật giáo ở đường Ông Ích Khiêm trở thành Tổng hành dinh của Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng. Các Ban đại diện học sinh, các Chi đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng và Hội Liên hiệp thanh niên học sinh giải phóng các trường lần lượt được hình thành do các đảng viên, đoàn viên học sinh bí mật và bán công khai phụ trách.

Cùng với thể hoạt động công khai hợp pháp, Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng đã huy động được một đội ngũ thanh niên, học sinh, sinh viên yêu nước, nhiệt tình, có lòng căm thù giặc Mỹ sâu sắc, có tinh thần đấu tranh bền bỉ. Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng đưa một bộ phận ra hoạt động công khai hợp pháp, còn đại bộ phận cán bộ nòng cốt bí mật chuẩn bị phối hợp với các lực lượng vũ trang và quần chúng tham gia chiến dịch “*Xuân - Hè 1972*”.

Cho thấy phong trào đấu tranh của học sinh Đà Nẵng thời gian này diễn ra sôi nổi, đều khắp, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng với các phong trào quần chúng do các tổ chức Đảng bí mật lãnh đạo, với nhiều hình thức phong phú, sinh động ở tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội..., kết hợp nhiều hình thức khác nhau, vừa công khai, bán công khai, vừa hợp pháp, bán hợp pháp. Qua thực tiễn đấu tranh, nhiều học sinh, sinh viên đã xếp bút nghiên, ra mặt trận tham gia chiến đấu chống quân xâm lược.

Tại Tam Kỳ, ngày 17 - 9 - 1971, đại diện học sinh các trường trong toàn tỉnh đã thống nhất tổ chức Đại hội Liên đoàn học sinh Quảng Tín. Tham dự Đại hội, ngoài đại biểu đại diện cho học sinh các trường trong toàn tỉnh còn có đại biểu đại diện Tổng hội sinh viên Huế, Liên đoàn học sinh Huế, Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng, Tổng hội sinh viên Vạn Hạnh, Sài Gòn, Cần Thơ...

Đại hội đã thông qua chương trình hành động, bàn phương hướng và kế hoạch đấu tranh đòi Mỹ rút khỏi miền Nam, đòi độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà; bầu Ban chấp hành Liên đoàn chính thức do Nguyễn Tân - học sinh trường Trung học Trần Cao Vân làm Chủ tịch; Huỳnh Phước - học sinh trường Trung học Trần Cao Vân, Võ Thị Thu Thủy - học sinh trường Nữ Trung học Quảng Tín làm Phó Chủ tịch, Trần Đình Hộ - học sinh trường Trung học Bồ Đề (do Phật giáo thành lập) làm Tổng thư ký.

Sau Đại hội, Liên đoàn học sinh Quảng Tín cho ra đời tờ báo "*Tiếng gọi học sinh*" và nhiều bản tin khác, lên án tội ác của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, vận động học sinh đấu tranh chống quân sự hóa học đường, chống đồn quân, bắt

lính, đòi giảm học phí.... Từ cuối tháng 9 - 1971, kết nối với phong trào học sinh, sinh viên Huế, Đà Nẵng, Liên đoàn học sinh Quảng Tín liên tục tổ chức đấu tranh chống bầu cử độc diễn (3 - 10) của Nguyễn Văn Thiệu dưới nhiều hình thức như triệt hạ bích chương vận động bầu cử, đốt thẻ cử tri tập thể và hình nộm của Thiệu... Tiếp theo, ngày 13 - 10 - 1971, Liên đoàn học sinh Quảng Tín bí mật triệt hạ khẩu hiệu đón tiếp tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, thay bằng khẩu hiệu có nội dung chống Nguyễn Văn Thiệu khi hắn về làm việc với chính quyền tỉnh Quảng Tín.

Trong 3 ngày 14, 15 và 17 - 10 - 1971, thực hiện âm mưu nắm chặt học sinh, sinh viên, hướng các đối tượng này quay lưng với cuộc đấu tranh đòi độc lập dân tộc của nhân dân miền Nam đang diễn ra như vũ bão, chính quyền Sài Gòn cho thành lập tổ chức Liên đoàn học sinh, sinh viên trong các trường học trên khắp các địa bàn ở miền Nam. Trước tình hình đó, Liên đoàn học sinh Quảng Tín nhanh chóng đưa người của mình ra ứng cử vào ban đại diện các trường Trung học Trần Cao Vân, Đức Trí (do Thiên Chúa giáo thành lập), Bồ Đề, Nữ Trung học Quảng Tín, Trần Hưng Đạo (do Cao Đài thành lập)... Ngày 25 - 12 - 1971, nhân việc Giáo sư Trần Kim Hùng của trường Trung học Trần Cao Vân (Tam Kỳ) - thành viên của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ bị địch sát hại, lực lượng học sinh Tam Kỳ cùng với học sinh, sinh viên Đà Nẵng, Huế lập tức xuống đường, đấu tranh yêu cầu làm sáng tỏ cái chết của Giáo sư Trần Kim Hùng, khiến cho đường phố và trường học trở nên náo động<sup>1</sup>.

---

1. Lê Công Cơ (chủ biên), *Phong trào đấu tranh đô thị thời quật khởi (1954 - 1975)*, Nxb. Hội Nhà văn, 2015, trang 198.

Để đối phó với phong trào học sinh, sinh viên, chính quyền Sài Gòn vừa sử dụng các thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ; vừa huy động lực lượng và phương tiện thẳng tay đàn áp. Ngày 27 - 12 - 1971, trong lúc học sinh trường Trung học Trần Cao Vân đang chuẩn bị cho đêm văn nghệ, ngụy quyền tỉnh Quảng Tín đưa cảnh sát vào trường bắt 5 học sinh lớp 9/5, đồng thời đón lõng bắt luôn 6 học sinh của trường Bồ Đề đang trên đường đi học về đưa về giam giữ tại Trung tâm cải huấn Quảng Tín. Tiếp theo, ngày 3 - 1 - 1972, nhận được tin 2 nhân vật cốt cán của Liên đoàn học sinh Quảng Tín là Nguyễn Tân - Chủ tịch và Võ Thị Thu Thủy - Phó Chủ tịch cũng bị địch bắt, lập tức Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Bộ đã cử các hội viên dày dạn kinh nghiệm đấu tranh từ Huế và Đà Nẵng vào tăng viện cho Liên đoàn học sinh Quảng Tín, tổ chức đốt xe cảnh sát để cảnh cáo địch, phát động học sinh kéo đến Ty Cảnh sát, nhà riêng Nguyễn Tri Tài - Hiệu trưởng trường Trung học Trần Cao Vân để phản đối hành động bắt người vô cơ của chúng, buộc chính quyền địch phải trả tự do cho các học sinh bị bắt về lại với học đường. Đồng thời tổ chức các cuộc hội thảo, đấu trí thắng lợi với tổ chức Cảnh Sinh<sup>1</sup>, tẩy chay các cuộc tuyên truyền chống cộng của học viên trường Sĩ quan Đà Lạt...

Nét độc đáo của phong trào học sinh, sinh viên miền Nam nói chung, Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ thời kỳ này nói riêng là tuổi trẻ hiên ngang cất cao các bài hát “*Xuống đường*”, “*Dậy mà đi*” ..., anh chị em đã đi vào từng khu phố, ra cánh đồng, nơi bà con đang sản xuất để “*Hát cho đồng bào tôi nghe*”, “*Nghe đồng bào tôi nói*”.

1. Tổ chức cảnh sát mật vụ được địch tổ chức cài cắm trong các trường học.



*Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Nam  
tặng quân và dân xã Phú Phong (Quế Phú) -7/1972*

Trưa ngày 30 - 3 - 1972, lợi dụng lúc địch chủ quan, sơ hở do phán đoán sai thời gian, qui mô và hướng tiến công của ta, quân ta bắt đầu cuộc tiến công chiến lược năm 1972 theo đúng kế hoạch của Quân uỷ Trung ương. Mở đầu cuộc tiến công, quân ta đánh vào Quảng Trị rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam. Trên chiến trường Quảng Nam, Quảng Đà, từ đêm 8 - 4 - 1972, quân ta tiến công, bao vây, áp sát tiêu diệt các căn cứ quân sự, chi khu, quận lỵ, đồn bót địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ ở hầu khắp các địa bàn quan trọng như Đà Nẵng, Điện Bàn, Đại Lộc, Hiệp Đức, Tam Kỳ, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở những vùng địch kiểm soát, diệt và bắt sống hàng ngàn tên.

Sau hơn một tháng liên tục tiến công và nổi dậy, ta đã phá vỡ hàng loạt đồn bót địch, tiêu diệt nhiều tên tề điệp, ác



ôn, khôi phục vùng giải phóng rộng lớn từ tây Tam Kỳ sang tây Thăng Bình và trung Quế Sơn, với hơn 3.000 dân.

Về lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam, tháng 4 - 1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động ông Vũ Thiếp đi nhận công tác khác, ông Nguyễn Thành sau thời gian chữa bệnh ở miền Bắc trở về, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ phụ trách Dân vận - Mặt trận - Đấu tranh chính trị - Binh vận, kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh.

Trong lúc cách mạng miền Nam đang thắng lớn, Hội nghị Paris đang tiến triển có lợi cho ta, thì ngày 18 - 12 - 1972, đế quốc Mỹ điên cuồng mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng, hòng phá hoại tiềm lực kinh tế và quốc phòng, ngăn chặn nguồn tiếp tế của hậu phương cho tiền tuyến, nhưng đã bị quân dân miền Bắc giáng trả những đòn địch đáng ngay từ trận đầu, lập nên “*Trận Điện Biên Phủ trên không*”, đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 của Mỹ, buộc chúng phải tuyên bố ngừng ném bom miền bắc, quay trở lại đàm phán tại Paris.

Tóm lại, những năm 1969 - 1972, là giai đoạn Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã trải qua nhiều khó khăn gian khổ, hy sinh. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối đại đoàn kết của các dân tộc, các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể các cấp đã được phát huy cao độ, là cội nguồn sức mạnh để quân và dân ta anh dũng vượt qua mọi khó khăn thử thách, trụ bám địa bàn, đánh địch, diệt ác phá kềm, giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh tiến

công bằng ba mũi giáp công, góp phần đánh bại cơ bản chương trình “*bình định nông thôn*” của địch, cùng cả nước làm phá sản chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ, tạo tiền đề và động lực để tiếp tục tiến lên giải phóng hoàn toàn quê hương.

### **III. ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS, TIẾN LÊN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN TỈNH QUẢNG NAM (1973-1975)**

#### **1. Đoàn kết toàn dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris, chống địch bình định lấn chiếm vùng giải phóng (1973 - 1974)**

Hiệp định Paris (27 - 1 - 1973) là một thắng lợi to lớn của quân dân ta, đã mang lại không khí phấn khởi đến tất cả Nhân dân vùng địch và vùng ta. Trong những đêm trước khi Hiệp định có hiệu lực, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà ngoài việc chỉ đạo các lực lượng vũ trang lập tổ, chốt giữ các vị trí quan trọng, còn bố trí đưa các cơ sở cách mạng nòng cốt vào bên trong tiếp xúc với Nhân dân vùng bị địch kiểm soát chuẩn bị tư tưởng, trang bị lý lẽ để có cơ sở quần chúng cách mạng đấu tranh với địch, buộc chúng chấp hành Hiệp định Paris. Tranh thủ hòa bình để củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, làm cho Nhân dân và binh sĩ địch thấy rõ Hiệp định Paris là thắng lợi của cách mạng, Mỹ và đồng minh phải chịu thất bại về nước, thế và lực của cách mạng ngày càng lớn mạnh, kẻ thù mất chỗ dựa, lực lượng suy yếu giảm sút và thắng lợi của cách mạng chỉ còn là vấn đề thời gian. Sáng ngày 28 - 1 - 1973, khi Hiệp định Paris có hiệu lực, cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam không chỉ tung bay trên các vùng giải phóng, mà trên tất cả các vùng ta làm chủ. Tại Quảng Nam, Quảng Đà, vùng giải phóng được mở rộng đến phía tây các huyện đồng



*Đại hội các dân tộc miền núi Tây Quảng Nam  
tại Nước Xa, Trà My (1973)*

bằng, nối liền với căn cứ địa miền núi Trà My, Phước Sơn, Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang...

Tuy nhiên, sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, tình hình chung trên toàn miền vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Ngay từ sáng ngày 28 - 1 - 1973, ngày Hiệp định Paris có hiệu lực, Nguyễn Văn Thiệu đã trắng trợn tuyên bố phá hoại Hiệp định, ngang nhiên đưa ra khẩu hiệu 4 không: Không có hòa bình, không có ngừng bắn, không có giải pháp chính trị, không có tổng tuyển cử. Được quan thầy Mỹ hỗ trợ, Thiệu ra lệnh cho

quân nguy thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, ào ạt xua quân lấn chiếm vùng giải phóng và tiếp tục thực hiện chính sách “bình định”, dùng sức mạnh quân sự giành lại các trục lộ giao thông chiến lược, phân tuyến, chia vùng, đẩy các lực lượng của ta lên núi, tiến tới xóa bỏ hình thái “*da báo*” hòng giành lại các vùng ta đã giải phóng trong năm 1972. Ở Quảng Nam, Quảng Đà, đầu tháng 2 - 1973, địch huy động hàng sư đoàn chủ lực cùng lực lượng địa phương quân đánh chiếm vùng giải phóng Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Tiên Phước, Thăng Bình, Tam Kỳ...

Tận dụng những điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Paris, Nhân dân ta đẩy mạnh đấu tranh chống âm mưu và hành động mới của Mỹ - nguy. Thực hiện khẩu hiệu “*cắm cờ giữ đất*”, “*còn người, còn cờ, còn đất*” do Đảng đề ra, du kích, bộ đội địa phương và Nhân dân vùng giải phóng quyết tâm đánh địch lấn chiếm, giữ vững trận địa. Từ ngày 29 - 1 đến ngày 10 - 2 - 1973, du kích Lộc Sơn, Lộc Phước, Lộc Hòa (Đại Lộc) sát cánh cùng Tiểu đoàn 1 Bộ binh đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch. Tại Phú Thọ (Quế Sơn), Phước Hà (Tiên Phước), các xã khu tây Duy Xuyên và Điện Hồng, Điện Quang (Điện Bàn)... , Nhân dân cùng du kích trụ bám địa bàn, chiến đấu liên tục, bẻ gãy hàng loạt các cuộc tiến công lấn chiếm của địch.

Trên mặt trận chính trị, chỉ tính riêng mấy tháng đầu năm 1973, trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà đã có tất cả 111 cuộc đấu tranh với 13.900 lượt người tham gia, đòi dân sinh dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Paris.

Cùng với đấu tranh chính trị, công tác binh địch vận cũng đã đem lại nhiều kết quả đáng kể. Hàng đêm, Nhân dân dùng loa tuyên truyền, phát tờ rơi, tổ chức đưa người nhà binh lính

vào đồn tìm con em để giải thích chính sách hòa hợp dân tộc... Qua đó, ta đã vận động được hàng trăm binh lính ngụy rã ngũ, về với cách mạng.

Tuy nhiên, do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, quá nhấn mạnh đến hoà bình, hoà hợp dân tộc..., nên trên một số địa bàn quan trọng, chúng ta bị mất đất, mất dân. Chỉ trong 5 tháng (từ đầu tháng 2 đến tháng 6 - 1973), ở Quảng Đà, địch lần chiếm hầu hết các căn cứ lõm và vùng giải phóng của ta như vùng A, B Điện Bàn, vùng tây Duy Xuyên, vùng B Đại Lộc. Tại Quảng Nam, chúng lần chiếm nhiều thôn ở Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Quý (Tam Kỳ), Phú Thọ, Quế An, Đồng Thành, Phú Diên, Sơn Viên, Phú Hiệp, Sơn Lãnh, Lãnh An, Lãnh Thượng (Quế Sơn), Phước Tiên, Phước Tân (Tiên Phước), Bình Phú, Bình Dương, Bình Lãnh (Thăng Bình)... Đối với các vùng giải phóng còn lại, chúng tăng cường hoạt động thám báo, ngăn chặn việc giao lưu kinh tế giữa vùng ta và vùng chúng kiểm soát. Đến tháng 6 - 1973, về cơ bản chúng thực hiện được phần lớn việc xóa bỏ hình thái “*da báo*” trên chiến trường hai tỉnh, đẩy lực lượng vũ trang của ta ra khỏi dân, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng và hạn chế phong trào chiến tranh du kích trong vùng chúng kiểm soát. Trên 31.600 dân bị địch xúc tát vào các khu dồn, một số dân vùng giải phóng phải dạt vào vùng ranh núi, đời sống của cán bộ, du kích và Nhân dân vô cùng khó khăn, thiếu lương thực, bệnh tật hoành hành... Máu của đồng bào và cán bộ, chiến sĩ ta lại tiếp tục đổ xuống, khi khát vọng hòa bình vừa được đâm chồi đã bị kẻ thù ngang nhiên chà đạp.

*Một tác đất một tác vàng  
Một góc giang sơn, một dòng máu đỏ*

Đó thực sự là những khẩu hiệu của một thời gay go, quyết liệt trong những ngày sau Hiệp định Paris. Những khẩu hiệu đó hiện lên rõ trên từng lá cây, ngọn cỏ, hiện lên trên từng chót giữ cờ, giữ đất, hiện lên rõ trên từng câu nói, trên từng ánh mắt của mỗi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào. Nó thực sự là vàng và máu.

Trước tình hình đó, tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng có Nghị quyết 21; Khu ủy 5 có Nghị quyết xác định: “*Địch đánh phá lấn chiếm vùng ta thì ta kiên quyết phản công và tiến công lại*”<sup>1</sup>; Tỉnh ủy Quảng Nam đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn quân, toàn dân: “*Địch đánh ta thì ta tiến công lại từ nơi chúng xuất phát*”<sup>2</sup>. Địch đánh ta, ta phải đánh lại. Đó là đạo lý thông thường. Nếu làm khác đi mới là sai, mới có tội với lịch sử. Tiếp thu tinh thần này, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà tập trung sức lãnh đạo khắc phục những khó khăn, xác định nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là đánh địch lấn chiếm; bố trí cán bộ, triển khai lực lượng bám địa bàn.

Tại Quảng Đà, các đơn vị bộ đội chủ lực được lệnh trở lại đồng bằng, cùng du kích và các đội công tác hỗ trợ Nhân dân diệt ác phá kìm, chống lấn chiếm, thu hồi lại vùng giải phóng. Chỉ sau một thời gian ngắn, ta đã đánh bật địch ra khỏi các vùng đất thuộc phía tây Duy Xuyên, trung Điện Bàn, 6 xã tây nam Đại Lộc, Cẩm Thanh (Hội An)... Ở Quảng Nam, Nhân dân vùng tây bắc Tam Kỳ, đông Tiên Phước, tây Thăng Bình và trung Quế Sơn nổi dậy cùng các đơn vị vũ trang tấn công địch, bao vây đồn bót, phá áp chiến lược, bung về làng cũ làm ăn.

1. Nghị quyết Khu ủy V tháng 7 - 1973 (Tài liệu lưu trữ ký hiệu K - 16 - X), hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam 1930 - 2005*, trang 226.

Mạng lưới giao thông miền núi được chú trọng củng cố, phát triển. Cùng với những con đường ở miền tây các huyện Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình..., nối với trục đường chiến lược 559 (đường mòn Hồ Chí Minh), đồng bào cùng với bộ đội ngày đêm bạt núi san đồi, mở các nhánh đường tỏa xuống đồng bằng. Chỉ tính riêng đồng bào các dân tộc ít người huyện Nam Trà My trong năm 1973, đã đóng góp trên 55.000 ngày công.

Từ cuối năm 1973, địch đẩy mạnh kế hoạch bình định vùng chúng kiểm soát với qui mô lớn và các thủ đoạn hết sức thâm độc. Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà chủ trương dùng lực lượng bộ đội địa phương và du kích xã, du kích mật, công an mật thọc sâu vào vùng địch, khu dồn diệt ác; đánh mìn, bao vây bắn bia, bắn tĩa, tiêu hao sinh lực ở các đồn, chốt điểm của địch, nhằm chuyển biến phong trào.

Tại Quảng Đà, đêm 14 - 7 - 1974, quân ta diệt cứ điểm Cống Tim, tập kích Núi Lở (Đại Lộc), tiến công cứ điểm Trảng Nhật (Điện Bàn)... Trên mặt trận Quảng Nam, 0 giờ 15 phút ngày 18 - 7 - 1974, ta nổ mìn tiến công địch tại điểm cao Cà Tang, mở đầu chiến dịch Nông Sơn - Trung Phước. Sau gần 17 giờ chiến đấu, đến 17 giờ 5 phút cùng ngày, quân ta hoàn toàn làm chủ địa bàn, giải phóng gần 13.000 dân. Phối hợp với Nông Sơn - Trung Phước, các lực lượng vũ trang địa phương tập kích tiêu diệt chốt Đá Bàn, Đá Đen, đồn Kỳ Bích, đánh sập cầu Bà Bầu, pháo kích tiểu khu Quảng Tín, sở chỉ huy Sư đoàn 2 nguy tại Chu Lai...

Khi thế trận của địch ở Quảng Nam, Quảng Đà đang bị phá vỡ từng mảng, thì ngày 29 - 7 - 1974, quân ta tấn công Thượng Đức. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, ta phải chuyển

từ phương thức tấn công trực tiếp sang “*bao vây đánh lán*”. Trong chiến thuật này, trên 300 người dân được huy động chặt mây bên thành dây thừng, làm ròn rọc, vừa khiên, vừa đẩy, vừa kéo 3 khẩu pháo 76 ly loại chống tăng, lên điểm cao để bộ đội nã thẳng vào đồn Thượng Đức. Đến ngày 7 - 8 - 1974, ta hoàn toàn làm chủ chi khu quận lỵ. Thượng Đức, cánh cửa thép của địch ở phía tây nam Đà Nẵng bị tiêu diệt, làm chấn động quân địch trên khắp các chiến trường Quảng Nam - Quảng Đà, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng, giành lại được nhiều vùng đất bị địch lán chiếm sau Hiệp định Paris; khôi phục, giữ vững, mở rộng và hoàn chỉnh vùng giải phóng, nối liền vùng giải phóng phía tây các huyện đồng bằng với căn cứ địa miền núi, tạo ra thế và lực mới, góp phần làm cho tương quan lực lượng so sánh trên chiến trường nghiêng về phía ta, để ta tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Phối hợp với hoạt động quân sự, các tầng lớp nhân dân đoàn kết xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, được các đoàn thể giải phóng tích cực vận động, đã tham gia mạnh mẽ các cuộc đấu tranh chính trị cả nông thôn và thị xã, thành phố. Phong trào đòi dân sinh dân chủ, đòi đi lại làm ăn, đòi hòa bình theo như Hiệp định Paris đã ký kết..., thu hút cả những tầng lớp trên và các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo ở Quế Sơn, Bắc Tam Kỳ, Điện Bàn, Duy Xuyên..., tham gia. Ngày 17 - 4 - 1973, công nhân ngành đường sắt Đà Nẵng, Tam Kỳ hưởng ứng cuộc tổng đình công của công nhân ngành đường sắt miền Trung, đòi tăng lương, đòi trả các khoản tiền phụ cấp, tiền nợ và phản đối nhà chức trách khủng bố, bắt giữ những người tham gia đấu tranh. Cùng thời gian này, thanh niên Cù Lao Chàm (Hội An) đấu tranh chống địch bắt lính, 3.000 nông dân ở khu đồn Dốc Đó (Điện Dương, Điện Bàn) vận động



được số con em là phòng vệ dân sự nổ súng diệt mấy tên cảnh sát, giải thoát cho 300 thanh niên bị chúng bắt tập trung. Đặc biệt, từ ngày 20 đến ngày 25 - 5 - 1973, đồng bào các xã vùng ven thị trấn Vĩnh Điện liên tục đấu tranh chống địch bắt lính, bảo vệ và giải thoát cho 100 thanh niên khỏi bị bắt lính.

Song song với đấu tranh chính trị, các cán bộ binh vận của ta đã hướng dẫn đồng bào tiến hành công tác binh vận bằng cách dùng loa tuyên truyền, phát tờ rơi, tổ chức đưa người nhà binh lính vào đồn tìm con em giải thích chính sách hòa hợp dân tộc có tác dụng tích cực đẩy lên phong trào trong binh lính không chịu đi lần chiếm, phải chết khi đã có hòa bình, đòi chính quyền Thiệu thi hành Hiệp định Paris...

Mặt khác, để chống lại việc địch bao vây kinh tế, đồng bào các vùng hưởng ứng chủ trương của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đẩy mạnh sản xuất tự túc, phát triển giao thông, đấu tranh với địch bung về làng cũ làm ăn. Trong bốn tháng cuối năm 1973, có 4.000 dân từ vùng địch trở về vùng ta, xóa đi một số thôn trắng dân ở Tam Kỳ, Quế Sơn, Điện Bàn, Duy Xuyên, tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa các vùng, miền. Ở miền núi và một số vùng giải phóng, giáp ranh miền núi, bom pháo địch giảm hẳn, đồng bào tích cực sản xuất và làm đường giao thông, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, công tác sản xuất được phát triển, tổng diện tích gieo trồng gần 10 ngàn héc ta, trong đó diện tích màu chiếm 60%. Phong trào làm ruộng, làm nà có phát triển, một số nơi thực hiện cây hai vụ. Đồng bào bước đầu chú ý đến các biện pháp kỹ thuật về giống lúa mới, bón phân. Trà My trồng thêm 181.000 cây quế, 200.000 cây chè... Phong trào khai hoang vỡ hóa được đẩy lên mạnh mẽ, từ tháng 9 đến tháng 12 - 1973, đã có 598 ha được khai hoang, vỡ hóa.



*Học sinh cấp I vùng giải phóng Quảng Nam phấn khởi học tập trong mái trường của Mặt trận Dân tộc Giải phóng (1973)*

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí phát triển rộng rãi. Quảng Nam, Quảng Đà đều có báo *Giải Phóng*. Phân hội văn nghệ giải phóng của tỉnh ra được tập san *Văn nghệ Giải phóng* hàng quý. Các đoàn văn công, đội điện ảnh, nhà in của tỉnh hoạt động nhộn nhịp. Báo chí, văn nghệ đã trở thành vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam tháng 6 - 1974 (từ 11 đến 15 - 6) cũng nhấn mạnh: “*Khẩn trương xây dựng phát triển các tổ chức đoàn thể, hướng chủ yếu là bên trong, nhằm yêu cầu phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm, ra sức đào tạo cán bộ xã thôn biết làm công tác dân vận, củng cố bộ máy đoàn thể từ huyện đến xã đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Đẩy mạnh sinh hoạt đoàn thể ở phân hội, tổ đoàn, động viên đoàn hội viên hăng hái tham gia mọi công tác của chính quyền và đoàn thể mình. Đoàn thanh niên phấn đấu đến cuối năm 1974 ở các xã vùng địch kiểm soát đều có tổ chức chi đoàn. Tăng cường công tác mặt trận, chuyển mạnh hoạt động công tác dân vận, mặt trận vào bên trong, vào thị xã, thị trấn, quận lỵ, ra sức vận động quần chúng lao động và các tầng lớp trung gian hình thành lực lượng thứ 3, tập hợp trong mặt trận rộng rãi có sức mạnh đoàn kết, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính là tập đoàn tay sai Nguyễn Văn Thiệu. Tích cực chọn người có uy tín ở địa phương có khả năng vận động quần chúng thừa nhận họ là cán bộ mặt trận giao nhiệm vụ hoạt động. Tích cực chuẩn bị nhân sự thành lập Ủy ban mặt trận thị xã, củng cố Ủy ban Mặt trận tỉnh*”<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác củng cố, xây dựng các tổ chức thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được quan tâm và bước đầu ổn định sinh hoạt. Khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân được củng cố và phát triển. Uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao. Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng mở đại hội để củng cố tổ chức và đề ra phương hướng nhiệm vụ mới. Mỗi

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy tháng 6-1974, Ký hiệu tài liệu L 81 - I, hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.

đoàn thể ở tỉnh và huyện đều có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của ngành và giới mình, nhất là cán bộ xã, thôn, cán bộ hoạt động trong vùng địch, có ý nghĩa quan trọng, góp phần động viên hội viên và đông đảo Nhân dân chuẩn bị bước vào giai đoạn cách mạng mới.

Tháng 6 - 1974, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam đã gửi thư đến các nhà trí thức, tư sản, các vị đứng đầu các tôn giáo, sinh viên, học sinh thị xã Tam Kỳ, lên án các hành động vi phạm Hiệp định Paris của Mỹ - ngụy, tỏ rõ thiện chí của ta và kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh. Nội dung bức thư nêu rõ:

*“...Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam ký kết ngày 27 - 1 - 1973 đáp ứng đầy đủ những khát vọng chính đáng về hoà bình, độc lập, dân chủ của toàn thể Nhân dân miền Nam sau hàng chục năm bị chiến tranh tàn phá... Đó là một thắng lợi vô cùng to lớn của toàn thể Nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam ta đã anh dũng chiến đấu hy sinh gần 20 năm trời, mà tất cả các vị và các bạn cũng như toàn dân ta, ai cũng tự hào và có phần đóng góp.*

*...Thế nhưng ở miền Nam, gần 17 tháng nay vẫn chưa hề ngưng bắn thực sự, chiến tranh vẫn tiếp diễn, máu của người Việt Nam vẫn tiếp tục đổ; chưa hề có hòa bình, tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc; lực lượng thứ ba vẫn bị đàn áp, phủ nhận... Nguyên vọng tha thiết của Nhân dân miền Nam trong đó có các vị và các bạn đều bị chà đạp... Chúng tôi kêu gọi các vị và các bạn triệt để ủng hộ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng đánh trừng trị quân đội Sài Gòn “bình định” lấn chiếm vùng giải phóng. Chúng tôi kêu gọi các vị và các bạn hãy cùng đồng bào trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát đoàn kết rộng*

*rãi, đẩy mạnh đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc, đòi giải quyết đời sống...<sup>1</sup>”.*

Bức thư của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam đến với các nhà trí thức, tư sản, các vị đứng đầu các tôn giáo, sinh viên, học sinh thị xã Tam Kỳ đã tiếp thêm một nguồn sức mạnh mới, thu hút mọi thành phần xã hội đoàn kết xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng thống nhất đất nước.

## **2. Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn quê hương**

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng. Hội nghị Bộ Chính trị (từ 30 - 9 đến 7 - 10 - 1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ 18 - 12 - 1974 đến 8 - 1 - 1975) họp bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp thì được tin quân dân ta giải phóng đường số 14 và toàn tỉnh Phước Long (6 - 1 - 1975). Chiến thắng Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long đã giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch 2 năm (1975 - 1976) giải phóng hoàn toàn miền Nam. Cụ thể là năm 1975, tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện đến năm 1976 tiến hành “Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa”, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị đề ra kế hoạch 2 năm, nhưng lại nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và chỉ rõ “*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*”.

1. Tài liệu lưu trữ tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Tại chiến trường Quảng Nam, cuối năm 1974 đầu 1975, phong trào cách mạng phát triển mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Vùng căn cứ miền núi được củng cố và xây dựng vững chắc. Vùng giải phóng không ngừng được mở rộng. Các đơn vị chủ lực của Bộ, của Quân khu 5 đứng chân vững vàng trên các địa bàn trọng yếu của tỉnh. Lực lượng vũ trang tỉnh và các địa phương được củng cố lớn mạnh. Lực lượng du kích, biệt động, du kích mật và lực lượng hoạt động vùng địch phát triển sâu rộng trong các thành phố, thị xã, thị trấn.

Tháng 2 - 1975, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định *“Động viên sự nỗ lực lớn nhất của Đảng bộ, của lực lượng vũ trang, của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh với quân chủ lực của khu thực hiện mục tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, phá hủy phương tiện chiến tranh, giải phóng quận lỵ Tiên Phước- Phước Lâm và các xã vùng đông, tây Thăng Bình, bắc Tam Kỳ, tạo thế bao vây tỉnh lỵ Quảng Tín.”*

Phối hợp với chiến dịch Tây Nguyên, Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 mở chiến dịch Tiên Phước - Phước Lâm. Tỉnh uỷ Quảng Nam được lệnh của Khu uỷ 5 mở chiến dịch A2 giải phóng vùng đông Thăng Bình, bắc Tam Kỳ tạo thế bao vây uy hiếp thị xã Tam Kỳ, tiến lên giải phóng toàn tỉnh khi thời cơ đến. Quảng Đà phối hợp với chiến trường Quảng Nam bằng cuộc tiến công nổi dậy giải phóng trung Duy Xuyên, đông Gò Nổi, vùng A, B Điện Bàn, cắt đứt các trục lộ giao thông, bao vây uy hiếp Vĩnh Điện, đẩy mạnh hoạt động xung quanh Hội An...

4 giờ 30 phút ngày 10 - 3 - 1975, Sư đoàn 2 và các đơn vị phối hợp đồng loạt nổ súng tấn công quận lỵ Tiên Phước, quận lỵ Phước Lâm, Suối Đá và cao điểm 211. Đến 16 giờ cùng ngày quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Mất Tiên Phước - Phước

Lâm, địch hoảng hốt điều quân ra phản kích hòng ngăn chặn ta tiến về đồng bằng. Sau 7 ngày chiến đấu quyết liệt, ta đã loại ra khỏi vòng chiến đấu 2.000 tên địch, giải phóng 21.000 dân. Giải phóng quận lỵ Tiên Phước và quận lỵ Phước Lâm, cửa ngõ phía tây thị xã Tam Kỳ, tỉnh lỵ Quảng Tín bị chọc thủng, binh lính, tề nguỵ càng hoang mang tan rã. 5 giờ 30 phút ngày 14 - 3 - 1975, các lực lượng vũ trang ta nổ súng tiêu diệt các chốt điểm Gò Dài, điểm 59, Gia Hội, giải phóng 3 xã vùng tây huyện Thăng Bình. Rạng sáng ngày 17 - 3, tiếp tục đánh chiếm 3 chốt: Hương Mỹ, Châu Khê, Đồng Tri hỗ trợ quần chúng nổi dậy giải phóng xã Bình Hải và một phần xã Bình Triều. Đêm 18 - 3, Tiểu đoàn 70 đánh chiếm đồn Chợ Được, các xã vùng đông còn lại của huyện Thăng Bình rơi vào tình trạng hỗn loạn.

05 giờ 15 phút ngày 24 - 3, tất cả các cánh quân của ta đồng loạt nổ súng bắn phá các mục tiêu ngã ba Trường Xuân, sân bay Ngọc Bích, núi Lâm, núi Tân Hội, Khánh Thọ, Cẩm Khê...Cuộc tiến công dũng mãnh, phối hợp nhịp nhàng giữa pháo binh, xe tăng, bộ binh ta vào các tuyến phòng ngự của địch ở thị xã Tam Kỳ, khiến chúng không kịp trở tay. Đến 11 giờ ngày 24 - 3 - 1975, thị xã Tam Kỳ, tỉnh lỵ Quảng Tín được hoàn toàn giải phóng.

Trước diễn biến mau lẹ của tình hình, Tỉnh uỷ Quảng Nam, Đặc Khu uỷ Quảng Đà phát động quần chúng nổi dậy với tinh thần một ngày bằng 20 năm; xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện; phối hợp với lực lượng vũ trang tiếp tục truy kích địch tháo chạy, tiêu diệt các cứ điểm còn lại: quận lỵ Lý Tín, Thăng Bình, Quế Sơn, căn cứ Chu Lai, Tuần Dương...

Trên hướng Quảng Đà, tại Duy Xuyên, 5 giờ 30 phút ngày 28 - 3, pháo binh Sư đoàn 2 và hoả lực của tỉnh đánh mạnh vào



*Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Quảng Đà  
ra mắt các tầng lớp nhân dân (3-1975)*

Hòn Bông, Trà Kiệu, Nam Phước, Câu Lâu. 9 giờ ngày 28 - 3, quân ta đánh tan cụm quân địch án ngữ cầu Bà Rén, chiếm quận lỵ Duy Xuyên và thị trấn Nam Phước. 12 giờ cùng ngày, huyện Duy Xuyên hoàn toàn sạch bóng quân thù.

2 giờ ngày 28 - 3, Nhân dân Xuyên Thái, Xuyên Tân, Cẩm Thanh, Cẩm Kim dùng thuyền đưa bộ đội vượt sông, tiến vào nội ô Hội An. Bọn địch ở Hội An hoang mang dao động, một số tên bỏ nhiệm sở tìm đường thoát thân. Lực lượng nổi dậy phá nhà lao Hội An. Gần 500 chiến sĩ và đồng bào vừa ra khỏi nhà lao đã cùng lực lượng nổi dậy phối hợp với bộ đội chiếm lĩnh tiểu khu quân sự, sân bay, khu vực Tây Hồ, ty cảnh sát... 5 giờ sáng ngày 28 - 3, cờ Mặt trận Dân tộc Giải miền Nam Việt Nam phấp phới tung bay trên dinh lũy kẻ thù, toàn bộ hệ thống nguy quân, nguy quyền ở Hội An bị tan rã.

Cùng trong ngày 28 - 3, quân địch tháo chạy khỏi ngã ba Trùm Giao, cầu Cẩm Lý, đồn Trường Giảng, cứ điểm Bồ Bồ



(Điện Bàn). Cơ sở cách mạng gọi hàng được 2.000 tên. Đêm 28 - 3, quân ta đánh chiếm thị trấn Vĩnh Điện. Quân chủ lực địch ở Đại Lộc được lệnh rút về “*tử thủ*” Đà Nẵng. Chớp thời cơ, đồng bào nổi dậy làm chủ khu đông cầu Chìm, sát chân Núi Lở. Khi quân địch ở An Hoà - Đức Dục tháo chạy qua Giao Thủy, nhân dân các xã Lộc Phước, Lộc Hưng, Lộc Phong, cùng du kích, bộ đội huyện chặn đánh quyết liệt, bắn cháy 6 xe GMC, loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên, phá huỷ 5 pháo 155 mm và 105 mm<sup>1</sup>. 24 giờ ngày 28 - 3 - 1975, quân địch ở đồn Cao, vị trí cuối cùng trên địa bàn huyện tháo chạy, bỏ lại 10 khẩu pháo 105 mm và nhiều súng đạn, phương tiện chiến tranh khác.

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam - căn cứ quân sự liên hiệp lớn nhất của Mỹ - nguy, rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía bắc, tây, nam tiến nhanh áp sát thành phố. Hơn 10 vạn địch bị dồn ú về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu. 11 giờ 30 phút ngày 29 - 3 - 1975, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc toà thị chính. 12 giờ quân ta đánh chiếm sân bay Đà Nẵng, 15 giờ cùng ngày ta làm chủ bán đảo Sơn Trà. Đà Nẵng được hoàn toàn giải phóng.

Như vậy, với tốc độ “*một ngày bằng hai mươi năm*”, chỉ trong vòng không đầy 20 ngày (từ 10 - 3 đến 29 - 3 - 1975), phát huy sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã giành được toàn thắng, tiêu diệt và làm tan rã 10 vạn quân nguy, giải tán nguy quyền các cấp, chấm dứt vĩnh viễn bóng đêm nô lệ của chủ nghĩa thực dân mới, giải phóng hoàn toàn quê hương.

---

1. *Lịch sử lực lượng vũ trang Nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội 2003, trang 389.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân và dân Quảng Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, kiên cường trụ bám quê hương, đoàn kết anh dũng chiến đấu, đánh 158.000 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 203.000 tên Mỹ - nguy, đập tan bộ máy nguy quân, nguy quyền từ tỉnh đến xã thôn; bắn rơi 812 máy bay các loại, bắn cháy 1.522 xe tăng, xe bọc thép; thu và phá huỷ toàn bộ phương tiện chiến tranh của Mỹ - nguy, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Nam<sup>1</sup>; góp sức cùng Nhân dân miền Nam và cả nước giành thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Thắng lợi của quân và dân Quảng Nam bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sáng tạo, linh hoạt của Khu uỷ, Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 - sự hy sinh to lớn của Nhân dân, sự hiệp đồng tương trợ, chia lửa của các tỉnh, thành phố bạn, sự phối hợp chiến đấu của các binh đoàn chủ lực của Quân khu 5 và của Bộ Quốc phòng; đặc biệt là sự chi viện to lớn về sức người, sức của của hậu phương miền Bắc và quân dân 2 tỉnh kết nghĩa Thanh Hoá - Hải Phòng.

Từ đây, ước mơ ngàn đời của Nhân dân Quảng Nam là được làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng cuộc sống mới ngay trên quê hương thân yêu đã trở thành sự thật. Tiếp tục tiến bước dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn quân, toàn dân Quảng Nam lại hăng hái cùng cả nước bước vào giai đoạn cách mạng mới - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

---

1. *Lịch sử lực lượng vũ trang Nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb. QĐND, Hà Nội 2003, trang 399.